

80  
INDO-CHINOIS  
861

NĂM 1929

SỐ 1

DEPOT LEGAL  
INDOCHINE  
10214

# QUAN-HẢI TÙNG-THU'



NGỘ-NHÂN

# DÂN - TỘC

(Phụ-lục: Nhân-chúng-khảo)

IN LẦN THỨ NHẤT



1929

NHÀ IN TIẾNG-DÂN

Đường Đông-Ba

HUẾ

Bản quyền sở hữu

Giá bán : 0\$20



# QUAN-HẢI TÙNG-THU

## SÁCH XUẤT BẢN NĂM 1928.

1. — Trí-khôn ( <i>Tâm-lý-học nhập môn</i> )	giá 0\$10
2. — Đông-tây văn-hóa phê-bình ( <i>Thượng</i> )	0\$15
3. — Kinh-tế-học tiểu-sử ( <i>Thượng</i> )	0\$25
4. — Văn-minh Âu - Mỹ	0\$12
5. — Thế-giới cường-quốc-chánh-thể lược-khảo	0\$25
6. — Xã-hội luận	0\$25
7. — Phụ-uữ vận-động	0\$20
8. — Lịch-sử nhận-loại	0\$14
9. — Chính-trị nước Nhật	0\$17
10. — Đông-tây văn-hóa phê-bình ( <i>Hạ</i> )	0\$18
11. — Chính-trị nước Trung-hoa	0\$20
12. — Thực-dân lịch-sử	0\$40

## SÁCH XUẤT BẢN NĂM 1929.

### Thường

1. — Dân-tộc	giá 0\$20
2. — Xã-hội sẽ có	
3. — Vấn-đề sinh-hoạt (sẽ có)	

### Đặc-biệt :

1. — Kinh-tế-học tiểu-sử (*Hạ*)  
(Quyển này dày hơn quyển thượng, tự-thuật và phê-bình các học - thuyết kinh-tế từ Adam Smith lại nay về các học - thuyết mới thì nói kỹ càng lắm (sẽ có))
2. — Tư-tưởng phụ-nữ ở Trung-hoa.  
(Tự thuật rõ ràng sự phát-triển của tư tưởng phụ-nữ ở Trung - hoa từ khi có thần - thoại Nữ Oa cho đến ngày nay) (sẽ có).



# QUAN-HẢI TÙNG-THƯ

## KÍNH-CÁO ĐỘC-GIẢ

POT LEGAL  
INDOCHINE

Nº 10211

Quan-hải tùng-thư lập lên đã trọn một năm. Cái kinh-nghiệm trong một năm đã cho chúng tôi xét được một điều đáng nên mừng, đủ phá hẳn cái thành-kiến của những kẻ bi-quan. Những kẻ bi-quan thường hay than van rằng : Người mình không biết đọc sách có ích về trí-dục, đức-dục, mà chỉ ham đọc những sách kích-thích vào tình cảm mà thôi ; những sách cải - lương ở Nam - kỳ, những sách ái-tình ở Bắc-kỳ, phát ra bao nhiêu cũng hết, mà những sách có ích về đường kiến-thức thì chẳng ai thêm đến. Khi chúng tôi lập lên Quan-hải tùng-thư thì cũng sợ cái quan-niệm ấy là xác-thực, nhưng cũng cứ vững mà tiến-hành ; vì chúng tôi nghĩ rằng đời đã không ưa sách bổ ích thì ta lại càng nên có nhiều sách bổ ích để bắt đời phải ưa. Nhưng cái kết quả của Quan-hải tùng-thư trong năm mới rồi làm cho chúng tôi hiểu rằng : người mình không phải không biết đọc sách bổ ích, mà chỉ vì không có sách bổ ích để đọc mà phải đọc những sách ác-hại kia. Không chịu làm thế nào cho có sách bổ ích mà cứ ngồi kêu rằng người mình không biết đọc sách bổ ích, thế là nói không.



Nếu ta muốn cho đồng-bào bỏ những sách cải-lương, sách ái-tình nọ mà ham những sách khoa-học thì đều cần thiết duy nhất là phải làm sao cho có sách khoa-học cho nhiều. Ấy chính vì cái ý-nghĩa ấy mà chúng tôi đã định khước trương Quan-hải từng-thư ra vậy.

Chúng tôi tin rằng « biết khó làm không khó ». Thanh-niên nước ta, chí-khí không phải không hăng hái, tinh-thần không phải không vững bền, nhưng phần nhiều « làm » thì muốn « làm » mà « biết » không muốn « biết », vì thế nên hãy bắt tay làm là thất-bại. Chúng ta muốn biết thì phải thế nào ? muốn biết thì phải nghiên - cứu, mà nghiên - cứu gì bằng nghiên-cứu những học-thuyết, tư-tưởng và khoa - học đông, tây. Cái hay ta phải nghiên - cứu để biết cái nên theo, cái dở ta cũng phải nghiên-cứu để biết cái nên tránh. Cái mục-đích của chúng tôi là cốt giúp ích cho đồng-bào về đường ấy. Vậy chúng tôi lựa chọn những sách hoặc lý-thuyết của các nhà trước - thuật và tư-tưởng đông, tây, hoặc dịch ra, hoặc soạn lại, cùng lựa những thứ thường-thức trong các khoa-học ước-lược cho rõ, để cống-hiến cho đồng-bào



### III

làm tài-liệu nghiên-cứu. Cái mục-dích của chúng tôi là cốt giúp tài-liệu nghiên-cứu cho người ham học, cho nên vô luận học-thuyết gì, tư-tưởng gì, khoa-học gì, thái-độ thế nào, khuynh-hướng thế nào, chúng tôi cũng cứ đứng trung-lập mà làm người giới-thiệu mà thôi, quyết không lấy thiên-kiến của mình để làm trò lung-lạc.

Các sách Quan-hải từng-thư xuất bản vẫn được nhiều đồng-bào chiếu cố, cái lôn-chỉ chính-đáng của Quan-hải từng-thư vẫn được nhiều đồng-chí tán-thành. Từ nay Quan-hải từng-thư mở mang qui-mô thêm rộng, nếu anh em bà con vẫn cứ một lòng dùm giúp cho như trước thì không những Quan-hải từng-thư không đến nỗi chết mà lại có thể một ngày một mở mang qui-mô rộng rãi thêm ra.

Mong lắm.

Q. H. T. T.

### CÙNG NHỮNG BẠN MUA NĂM

Những bạn mua năm, nếu nhận được quyền sách đầu thì xin gởi ngay tiền về trả cho bản-điểm ít ra là số nửa ; nếu không nhận được tiền, thì bản-điểm phải đình gởi, còn quyền sách đầu cũng xin gởi tiền theo giá đề mà trả cho bản-điểm. Mấy lời trung-cáo xin các bạn chiếu-cố cho. Q. H. T. T.



# DÂN-TỘC

---

## I. — DÂN-TỘC NGHĨA LÀ GÌ ?

Trong các vấn-đề xã-hội, và chính-trị ngày nay, vấn-đề dân-tộc đứng một phần rất trọng-yếu. Đối với các danh-từ ta thường nghe thấy hằng ngày, ta phải nên hiểu rõ cái ý-nghĩa của nó thế nào, vậy trước hết xin giải-thích « Dân-tộc nghĩa là gì ? »

Về quan-niệm dân-tộc, các nhà tư-tưởng chủ-trương rất nhiều lý-thuyết khác nhau, nay xin cử hai lý-thuyết trọng-yếu nhất của hai nhà tư-tưởng trứ-danh trong hiện-đại, một nhà ở phương tây, một nhà ở phương đông, là Rơ-năng và Tôn-Văn.

Rơ-năng (Ernest Renan) nói rằng : « Có những quang-vinh chung trong quá-khứ, một ý-chí chung trong hiện-tại ; ngày trước đã cùng nhau làm những sự-nghiệp lớn lao, bây giờ lại muốn cùng nhau làm nữa, đó là những điều-kiện căn-bản gây thành một dân-tộc », Xem đó thì cái yếu-tố cấu-thành dân-tộc, là những điều cồ-truyền, những sự nhu-yếu cùng những mối hy-vọng chung nhau, những yếu-tố ấy đúc nên một cái tâm-lý chung gọi là « dân-tộc » vậy. Ông lại nói : « Người ta không phải nô-lệ với chủng-loại, ngôn-ngữ, tôn-giáo cùng những chiền-núi dòng sông » Như vậy thì cái quan-niệm dân-tộc của Rơ-năng là thuần chú-trọng về tâm-lý và đạo-đức vậy. Một dân-tộc có một ý-chí chung, một



tâm-lý chung, đều ấy ta vẫn phải công-nhận ; nhưng chỉ một mình cái tâm-lý chung không thể gây thành một dân-tộc được. Đời thượng-cổ người Hy-lạp vẫn có một tâm-lý chung là ưa chuộng hòa-bình, tôn-sùng triết-học, mỹ-thuật, nhưng Hy-lạp có phải một dân-tộc đâu ! Người La-mã cũng cùng một tâm-lý là hiếu-động và thượng-võ mà La-mã có phải một dân-tộc đâu ? Đời nay thì những người như người Do-thái, người Nga-la-tư, người Ga-li-xi, người Mỹ-châu, đều có một thứ tâm-lý chung, nhưng cũng không phải là những dân-tộc. Vậy quan-niệm của Rơ-năng chỉ thấy được một mặt của ý-nghĩa dân-tộc, mà cái khuyết-điểm ấy cũng là phổ-thông cho phần nhiều nhà « triết-học cao siêu » chỉ thấy những tư-tưởng trừu-tượng mà không thấy được sự-thực hiển-nhiên : cái khuyết-điểm của Rơ-năng chính là vì không thấy rằng một dân-tộc còn có cái sinh-hoạt vật-chất chứ không phải chỉ có cái sinh-hoạt tinh-thần.

Còn Tôn-văn thì cho rằng những nguyên-nhân gây thành một dân-tộc có sáu thứ là : huyết-thống, sinh-hoạt, ngôn-ngữ, văn-hóa, tôn-giáo, phong-tục tập-quán, mà bảo rằng các dân-tộc trên thế-giới ngày nay không dân-tộc nào mà có thể cấu-thành bởi những yếu-tố ngoài sáu nguyên-nhân ấy. Tôn-Văn vẫn nhận rằng dân-tộc do cả các yếu-tố vật-chất và tinh-thần mà thành-lập, nhưng quan-niệm của Tôn lại quá rộng, nên cũng còn có chỗ không xác-thực. Người Nhật-bản chính là một dân-tộc, mà có cùng một tôn-giáo đâu ? Người Ai-cập cũng là



một dân-tộc mà có phải một huyết-thống đâu ? Những người Do-thái rải rắc khắp trong thế-giới, tuy cùng một tôn-giáo, mà không gọi là một dân-tộc được. Những người Tây-ban-nha và người Nam-Mỹ, tuy một huyết-thống mà cũng không phải cùng một dân-tộc. Xem đó thì cái quan-niệm dân-tộc của Tôn-Văn còn sai lầm, ta cũng chưa thể thừa nhận được.

Vậy Dân-tộc là gì ?

Dân-tộc không phải chỉ là một cái tâm-lý chung của nhiều người cùng một cổ-truyền, cùng một ý-chi ; dân-tộc cũng không phải một bầy người cùng một tôn-giáo, một phong-tục, một chủng-tộc, một huyết-thống. Ta nói ngay rằng : *dân-tộc là một đoàn-thể loài người, bởi lịch-sử cấu-thành*. Những đế-quốc của vua Xy-ruýt (Cyrus) cùng đế-quốc của vua A-lich-dang (Alexandre), do những nhân-dân và chủng-loại khác nhau mà cấu-thành, có thể gọi là những dân-tộc được không ? Thực ra thì những đế-quốc ấy chỉ là những đoàn-thể ngẫu-nhiên không chắc chắn, khi tan khi hiệp, tùy theo cơ thắng bại của một vị anh-hùng nào. Vậy thì dân-tộc không phải là một đoàn-thể ngẫu-nhiên, nhất thời, mà thực là một đoàn-thể vững vàng bền chặt.

## II. — NHỮNG YẾU-TỐ GÂY THÀNH DÂN-TỘC

a) *Cùng một tiếng nói*. — Song le, không phải một đoàn-thể vững vàng bền chặt nào cũng là một dân-



tộc cả dàu, Nước Áo-dại-lợi, nước Nga-la-lư, nước Trung-hoa đều là những đoàn-thể kiên-cố mà có ai giám bảo rằng những nước ấy là những dân-tộc được ? Các nước ấy chỉ là những quốc-gia. Trong một quốc-gia thường có nhiều tiếng nói khác nhau cũng không can-phạm gì đến cuộc thống-nhất, chứ một dân-tộc thì phải có một tiếng nói chung. Trong nước Nga, dân-tộc Ba-lan vẫn có một tiếng nói ; trong nước Áo dân-tộc Tiệp-khắc vẫn có một tiếng nói ; trong nước Trung-hoa dân-tộc Mông-cổ vẫn có một tiếng nói. Vậy thì *chung một thứ tiếng nói* là một yếu-tố của dân-tộc vậy.

*b) Cùng một lãnh-thổ.* — Nhưng nói rằng một dân-tộc phải chung một tiếng nói có phải là phạm chung một tiếng nói đều làm một dân-tộc cả dàu ! Mỗi một dân-tộc cũng không tất nhiên phải có một thứ tiếng nói riêng của mình mà các dân - tộc khác không có. Tuy rằng không có dân-tộc nào đồng-thời nói hai thứ tiếng, nhưng có khi, hai ba dân-tộc mà chỉ nói một thứ tiếng thôi : người Anh với người Hoa-kỳ, tuy nói một thứ tiếng mà thực là hai dân-tộc ; người Nã - uy với người Đan-mạch cũng thế, người Anh với người Ái-nhĩ-lan cũng thế.

Vì làm sao những người Anh và người Hoa-kỳ cùng nói một thứ tiếng mà không phải một dân-tộc ? Lý-do thứ nhất là vì lãnh-thổ hai bên khác nhau. Một dân-tộc sở dĩ cấu thành là vì người ta đời này sang đời nọ, kế tiếp ăn chung ở lộn với nhau,



trong một cảnh cộng-đồng bền vững ; mà ăn ở lâu dài cùng nhau như vậy thì phải có lãnh-thổ chung. Trước kia người Anh người Mỹ còn ở chung nhau thì nước Anh chỉ thành một dân-tộc ; đến khi một phần người Anh di-cư sang Bắc-Mỹ thì đã gây thành một dân-tộc Hoa-kỳ. Vậy thì, *chung một lãnh-thổ* là một cái yếu-tố của dân-tộc vậy.

*c) Kinh-tế liên-hiệp.* — Nhưng một mình lãnh-thổ chung nhau cũng chưa gây thành một dân-tộc được ; lại còn phải có cái mối kinh-tế để liên-hiệp những phần-tử trong dân-tộc với nhau. Vì trong khoảng nước Anh và nước Mỹ cái mối kinh-tế liên-hiệp không có mới làm thành hai dân-tộc khác nhau. Nhưng nếu một nước Hoa-kỳ mà không nhờ sự phân-công và sự-nghiệp giao-thông làm thành một cái mối kinh-tế để liên-hiệp các bộ-phận với nhau thì nước Hoa-kỳ cũng không thể gọi là một dân-tộc. Ta lấy nước Pháp làm thí-dụ : đương hời Trung-cổ, nước Pháp tuy có vua nhưng vua chỉ chiếm được một miền đất nhỏ, còn chung quanh thì có những công-địa và bá-địa của bọn chư-hầu, như những xứ : Sam-ba (Champagne), Bơ-rơ-ta (Bretagne), Nốc-măng-đi (Normandie) v. v. . . Dưới chế-độ phong-kiến ấy, quan-niệm địa-phương rất là mạnh, miền nào chỉ biết miền nấy, mà không hề giao-thông đi lại với nhau ; bởi vậy kinh-tế rất bế-tắc, trong khoảng miền nọ đối với miền kia không có gì là liên-hiệp. Vì thế tuy rằng nói có nước Pháp, có vua Pháp, mà vẫn thường sinh nội-loạn. Đến thế-kỷ 16,



các tước-địa bị lấy về nhà vua, thì thổ-địa đã thống nhất mà kinh-tế cũng vẫn theo giới-hạn trong từng tỉnh một. Mãi đến khi công-nghệ cách-mạng phát-sinh, chế-độ phong-kiến trúc đổ, việc kinh-tế suốt thông trong cả nước, thì dân-tộc Pháp mới bắt đầu thành. Lại xem nước ta, đương hồi Nội-thuộc với Trung-hoa, huyện thành cách-trở, kinh-tế đơn sơ, đến hồi Ngô-quyền độc-lập được chốc lát thì lại sa ngay vào cái nạn Nhị-thập-sứ-quân. Đinh-tiền-hoàng lên thu-tóm cả mấy sứ-quân, rồi trải mấy triều sau đã dần dần thống-nhất bờ cõi, nhưng kinh-tế vẫn riêng từng xứ, việc giao-hoán chưa thông, một xứ được mùa mà đồng thời xứ bên cạnh nhân-dân chết đói cũng không làm sao được. Lại tiếp đến nạn Lê với Mạc, Trịnh với Nguyễn, Nguyễn với Tây-sơn : những tình-trạng phân-liệt ấy sở dĩ gây nên chỉ là vì kinh-tế không thông suốt cho nên trong một nòi giống, một lãnh-thổ, một tiếng nói mà lại chia rẽ xem nhau như cừu địch. Mãi đến khi nhà Nguyễn thống-nhất bắc nam, và dân ta tiếp xúc với Tây-dương, đường giao-thông liên nối, thương-mãi công-nghệ mở mang, nền kinh-tế liên-thông cả trong ngoài, thì dân ta mới tự-giác rằng mình là một dân-tộc. Vậy thì *kinh-tế liên-hiệp* cũng là một yếu-tố quan trọng gây thành dân-tộc vậy.

d) *Chung một tâm-lý.* — Ta lại nên biết rằng, dân Nã-uy và dân Đan-mạch, dân Tây-ban-nha và dân Nam-Mỹ, tuy rằng một nòi giống mà có tâm-lý



khác nhau, vì văn-hóa mỗi bên mỗi khác. Những dân-tộc phân-biệt nhau không những chỉ vì cách sinh-hoạt mà cũng vì tâm-lý của mỗi bên. Dân Anh, dân Mỹ cùng dân Ái-nhĩ-lan, tuy vẫn nói cùng một thứ tiếng mà thành ba dân-tộc khác nhau, đó là vì cái tình-trạng sinh-hoạt khác nhau, trải đời nọ sang đời kia, đã gây thành những tâm-lý khác nhau. Đành rằng cái tâm-lý khó nhận-chân, lắm, nhưng khi cái tâm-lý ấy bày tỏ ra trong cái văn-hóa riêng của dân-tộc thì thấy được ngay, mà ta không có thể bỏ qua được. Vả chẳng cái tâm-lý ấy, nghĩa là cái «dân-tộc-tính» không phải là kiên-cố vĩnh-cửu đâu, nó có thể tùy tình-trạng sinh-hoạt của dân-tộc mà thay đổi, nhưng ta xét riêng trong một thời-đại nhất định thì nó có ảnh-hưởng trong sự cấu-thành dân-tộc rất lớn. Vậy *chung một tâm-lý* cũng là một cái yếu-tố của dân-tộc vậy.

\* \* \*

Ta có thể nói tóm rằng: dân-tộc là một mối công-cộng vững vàng bền chặt, bởi lịch-sử cấu-thành, những người trong dân-tộc đều nói chung một thứ tiếng, ở chung một lãnh-thổ, kinh-tế sinh-hoạt như nhau, cùng có cái tâm-lý chung nhau phát-hiện trong cái văn-hóa chung nhau. Ta lại nên biết rằng một cái yếu-tố kể trên ấy mà đứng riêng ra không thể gây thành dân-tộc được, mà trong bốn thứ yếu-tố ấy, nếu chỉ thiếu một thứ nào thì dân-tộc cũng không thành.



Ta lại xem, người Việt-nam ta ngày nay có phải là một dân-tộc hay không. Không kể rằng cái tiếng con Hồng cháu Lạc là chứng rằng non 20 triệu dân Việt-nam đều là cùng một huyết-thống ; cứ xem sự thực hiển-nhiên thì từ Nam quan cho đến Ca-mau, ta chỉ có một tiếng nói ; từ Bắc suốt Nam ta chỉ có một giải đất trên núi dưới biển phân-cách với các xứ chung quanh ; đường quan-lộ từ Bắc-hà vào tới Saigon, đường xe lửa từ Lao-kay suốt tới Mỹ-tho, lại còn đường hằng-hải từ Hải-phòng đến cửa Cần-dò, liên tiếp đi về, cả Bắc Trung Nam chỉ chung một đường sinh-hoạt ; nói về tâm-lý thì chúng ta cũng một lịch-sử chung, cũng một văn-hóa chung, cũng cùng một kỷ-niệm đối với quá-khứ, cũng cùng một hy-vọng đối với tương-lai ; xem thế thì đủ thấy dân Việt-nam thực hoàn-toàn đủ tư-cách thành một dân-tộc vậy. Dù ngày nay có chia ba rẽ bốn mặc dầu, đó chỉ là chia rẽ trên biểu-diện hành-chính mà thôi, chứ cái mối dân-tộc không thể nào chia nổi.

### III. — DÂN-TỘC THÀNH-LẬP THẾ NÀO ?

Trên kia đã nói, dân-tộc là một thứ do lịch-sử cấu-thành, vậy thì dân-tộc không phải là vốn có từ xưa. Thực ra thì những yếu-tố kể trên phải đến một thời-kỳ nhất định mới thành được, mà trong các yếu-tố ấy, nhất là cái kinh-tế liên-hiệp lại khó thành hơn cả. Đời Thượng-cổ, đời Trung cổ, vẫn có nhiều đoàn-thể nói chung một thứ tiếng, ở chung một



miếng đất, mà không thể gọi là dân-tộc được, chỉ vì kinh-tế đương thời còn bức-tuyệt. Đến khi xã-hội phong-kiến đổ nát, chế-độ công-trường thành-lập, nhân cơ-khí phát-minh mà công-nghệ trải qua một thời-kỳ cách-mạnh, sự-nghiệp giao-thông phát-đạt, sự-nghiệp giao-hoán khuếch-trương, trong một nước các nhân-dân nhân vì kinh-tế liên-lạc với nhau mà sinh ra nhiều mối liên-lạc khác về tinh-thần, bởi thế mà dần dần nhương thành một cái tâm-lý chung là « dân-tộc-tinh ». Vậy dân-tộc không phải là một cái phạm-trù lịch-sử thường (catégorie historique), mà là một cái phạm-trù lịch-sử trong một thời-đại nhất-định. Thời-đại ấy chính là thời-đại sau khi chế-độ phong-kiến vỡ tan, tức là thời-đại kinh-tế phát-triển vậy. Những dân-tộc Tây-Âu như Anh, Pháp, Đức, Ý, v. v. . . đều cấu-thành theo lịch-trình ấy ; những dân-tộc khác, vô-luận dân-tộc nào cũng xuất hiện tự khi chế-độ phong-kiến tiêu-diệt, mà chế-độ tư-bản phát đạt vậy.

Ta xét lịch-sử các nước thực-dân, nghiên-cứu các phong-trào dân-tộc vận-động thì lại thấy cách kết-cấu dân-tộc như thế rõ rệt lắm. Đương hồi trước, những nước như Ấn-độ, Ai-cập, Trung-hoa, (Hàn-tộc) vẫn chia xẽ nhau từng khu từng xứ, mà tranh-chấp xung-đột nhau, từ khi tiếp-xúc với cái phong-trào kinh-tế của Tây-dương thì cái quan-niệm địa-phương tức thì tiêu-diệt mà sinh ra quan-niệm dân-tộc để khởi lên vận-động giải-phóng.



Như vậy thì ta có thể kết luận rằng dân-tộc là một cái phạm-trù lịch-sử riêng của thời-đại kinh-tế phát đạt vậy.

#### IV. — DÂN-TỘC VỚI QUỐC-GIA KHÁC NHAU THẾ NÀO ?

Đồng-thời với tiếng dân-tộc, ta thường hay nghe đến tiếng quốc-gia. Vậy xét về ý-nghĩa tiếng dân-tộc, ta cũng nên xét qua cái ý-nghĩa tiếng quốc-gia thế nào để tìm ra cái chỗ phân-biệt của hai tiếng. Sao gọi là quốc-gia ? Muốn giải-quyết vấn-đề ấy, trước hết ta phải xem trong quốc-gia có cái gì là quan-yếu nhất. Một quốc-gia phải có chính-quyền, không chính-quyền không thể gọi là quốc-gia. Một đám người họp nhau lại không phải là quốc-gia ; một rợ mọi sinh-hoạt tự-do trong rừng rậm không phải là quốc-gia. Nhưng dụng-tác của chính-quyền là để làm gì ? Chính-quyền là cái lợi-khí của một hạng người mạnh dùng để cưỡng-bách những người yếu phải phục-tòng mình ; như vậy thì ta có thể nói rằng, cái đặc-sắc của quốc gia là sự chính-trị phân-biệt, nghĩa là có một hạng người mạnh lấy chính-quyền để bắt ép một hạng người yếu phải làm theo mệnh lệnh của mình.

Ta lại xét thêm một từng nữa để tìm xem vì làm sao có hai hạng người như thế mà lại sinh ra quốc-gia. Loài người đương thời-đại sơ-sinh, ăn ở từng tốp với nhau gọi là loạn-quần, đối với nhau



chỉ có những lợi-ích chung mà tuyệt nhiên bình-  
dẳng ; sau dần dần hợp thành gia-tộc, rồi đến tộc-  
đoàn, thì ngoài những lợi-ích chung nhau lại có  
những mối quan-hệ về huyết-thống cùng phong-  
tập. Khi ấy tuy quyền chi - phối vẫn thuộc  
về gia-trưởng và tộc-trưởng, nhưng những người  
trong một gia-tộc và một tộc-đoàn vẫn quyền-lợi  
chung nhau, mà bậc gia-trưởng và tộc-trưởng đối  
với người dưới mình cũng không có gì chống  
chối. Kịp đến khi những tộc-đoàn vì kinh-tế mà  
xung-đột lẫn nhau, một tộc-đoàn kia mạnh thôn-  
tinh cả các tộc-đoàn khác mà hợp nhau thành bộ-  
lạc to, các bộ-lạc lại xung-đột nhau mà gây thành  
một « quốc-gia », ấy chính từ khi trong xã-hội có  
một hạng người thắng trận là hạng có sức mạnh,  
có của cải, cùng một hạng bại trận là hạng sức yếu,  
không có của, thì mới phát-sinh ra quốc-gia. Hạng  
mạnh cùng hạng yếu, hạng có của cùng hạng  
không của, đứng riêng thành hai phương-diện,  
quyền-lợi tự-nhiên phải khác nhau. Khác nhau  
phải sinh xung-đột, bởi vậy hạng mạnh và có của  
kia, muốn giữ cái tình-trạng phân-liệt ấy lâu dài  
để lợi cho mình, mới sinh ra cái cơ-quan quốc-gia  
để làm cái lợi-khí bắt bọn yếu và không của  
phải chịu một bề mà không được phản-kháng. Ấy  
cái nguồn gốc quốc-gia là tại chỗ phân-liệt hạng  
người mà ra vậy. Mạnh-tử nói rằng : « Người ta  
có người lao-tâm, có người lao-lực, người lao-tâm  
thì trị người, người lao-lực thì bị người trị ». Câu



nói ấy rất dối sai lầm. Người ta sinh ra phải tất-nhiên có một hạng thống-trị và một hạng bị thống-trị hay sao ? Còn tâm với lực thì làm sao chắc rằng tâm trong mà lực khinh ? Ta cứ xét tình-hình xã-hội ngày nay thì vị tất người thống-trị đã là lao-tâm cả, mà người bị thống-trị đã đều là lao-lực cả. Cứ theo cái nguồn-gốc sinh ra quốc-gia như ta thuyết giải trên kia thì hạng thống-trị chính là hạng mạnh và có của, mà hạng bị thống-trị chính là hạng yếu mà không có của vậy.

Quốc-gia là một cái quyền-lực của một hạng người nọ dùng để khống chế một hạng người kia, cái bản-chất vẫn không chánh-đáng. Nhưng bọn thống-trị, muốn làm cho bọn bị thống-trị mờ hoặc mà tin-phục, nên bày đặt ra lý-thuyết nọ kia, tóm lại có hai lý-thuyết trọng yếu, mà đều là hư-ngụy. Một là cho rằng họ là đại-biểu của một cái quyền-lực siêu tự-nhiên, họ là do Thượng-đế nhiệm-mệnh cho để trị-vì thiên-bạ. Cái thuyết thiên-mệnh (Théorie du droit divin) ấy rất có thế-lực về thời-đại tôn-giáo thịnh-hành, nhưng đến khi tôn-giáo đã suy vi thì cái thuyết ấy không còn giá-trị gì nữa. Bọn thống-trị lại xưng lên thuyết xã-hội ý-chí (La volonté sociale) : người thống-trị tức là ông Quốc-vương, ông Tổng-thống, hoặc đa-số-nhân ở Nghị-viện, đều là những cơ-quan của cái xã-hội ý-chí ấy. Nhưng cái xã-hội ý chí ấy có cái gì chứng thực ? Chẳng qua thuyết này chỉ dối cái thiên-mệnh của ông



quân—chủ sang làm cái thiên—mệnh của nhân—dân. Song le, trong các nước dân—trị ngày nay, dân chúng cũng không phải trực—tiếp thi—hành quyền thống—trị, mà kỳ thực thì quyền ấy là ở trong các cơ—quan rất phiền—phức là Nghị—viện, Nội—các v. v...

Cái định—nghĩa của quốc—gia đã bày tỏ đại—khái như thế rồi, bây giờ ta lại xem dân—tộc cùng quốc—gia khác nhau thế nào. Dân—tộc là do lịch—sử tiến—hóa mà thành, quốc—gia là bởi cường—nhược, bản—phủ phân biệt mà thành, dân—tộc là bởi sức tự—nhiên mà thành, quốc—gia là bởi sức người làm mà thành. Như vậy thì dân—tộc là chính—đáng mà quốc—gia không chính—đáng. Nước Anh dùng võ lực, dùng bá—đạo mà hợp nhiều dân—tộc khác nhau trong khắp hoàn—cầu (Ấn—độ, Ai—cập, Gia—nã—đại, Úc—đại—lợi) làm một quốc—gia rất lớn, tuy dùng sức mạnh mà dồn cả vào trong một phạm—vi, nhưng Ấn—độ vẫn là dân—tộc Ấn—độ, Ai—cập vẫn là dân—tộc Ai—cập, chứ không khi nào biến làm thành dân—tộc Anh. Tôn—trung—Sơn nói : « Một đoàn—thề mà bởi sức tự—nhiên, vương—đạo kết hợp là dân—tộc, mà do sức nhân—vi, bá—đạo kết hợp là quốc—gia ». Ấy quốc—gia và dân—tộc là phân biệt như vậy.

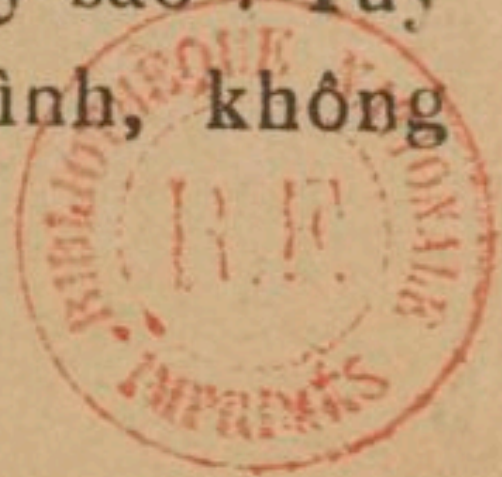
## V. — DÂN—TỘC TỰ—QUYẾT LÀ GÌ ?

Một dân—tộc đã là một đoàn—thề bởi sức tự—nhiên mà kết hợp thì không thể dùng sức nhân—vi mà chia rẽ hoặc phá tan được. Mỗi dân—tộc có cái sinh



hoạt riêng, những dân-tộc, hoặc quốc-gia khác không lẽ gì xâm-phạm được. Những đế-quốc Nga-la-tư, Áo-dại-lợi, dùng võ-lực để kết hợp những dân-tộc nhỏ ở Đông-Âu và Trung-Âu làm thành những quốc-gia lớn; những quốc-gia đế-quốc Âu-Mỹ vì muốn khuếch-trương kinh-tế ra ngoài nên dùng võ-lực hoặc tư-bản để xâm-lược các dân-tộc những đất thực-dân. Bởi thế trong thế-giới sinh ra một thứ dân-tộc bị kiềm-tính ở Âu-châu và một thứ dân-tộc bị áp-bức ở các châu khác. Mà cũng vì thế nên trên thế-giới mới nổi lên cái phong-trào dân-tộc tự-quyết, nhất là sau cuộc Âu-châu đại-chiến thì phong-trào ấy mãnh-liệt lắm. Những dân-tộc Tiệp-khắc, Ba-lan, Nam-tư ở Trung - Âu vận-dộng để thoát-ly mấy đế-quốc Áo và Nga; những dân-tộc thuộc-địa như Ấn-độ, Ai-cập, Triều-liên, Phi-luật-tân cũng nổi lên để vận-dộng độc-lập. Những điều ấy là vì đòi quyền « dân-tộc tự-quyết » mà phát sinh. Vậy « dân-tộc tự-quyết » nghĩa là dân-tộc độc-lập, mỗi dân-tộc được quyền tự-do xử-trí lấy vận-mệnh mình, không có ai được xâm-phạm đến sinh-hoạt, văn-hóa, phong-tục, ngôn-ngữ, chế-độ của mình được.

Nhưng nói vậy có phải là tất cả những phong-tục, chế-độ của một dân-tộc, dù xấu cũng phải tôn kính mà không giám xâm-phạm đến hay sao? Tuy rằng dân-tộc có quyền tự-chủ lấy mình, không





được ai can - phạm đến, nhưng đối với những phong-tục tập-quán, chế-độ qui-mô, hủ-liệt, chúng ta cũng phải hết sức mà trừ khử đi, có như thế thì quyền « dân-tộc tự-quyết » mới có ý-nghĩa chính-đáng.

Nói cho chính - đáng, thì quyền « dân - tộc tự-quyết » là : một dân-tộc không để cho ai áp-chế, và dùng đi áp-chế ai, mà trong chế-độ, qui-mô, phong-tục tập-quán của mình phải hết sức cải-lương để có thể sinh-hoạt một cách viên-mãn được.





# NHÂN - CHỦNG - KHẢO

## I. — VÌ SAO LOÀI NGƯỜI CÓ SAI BIẾT ?

Vì sao các giống người (race) trên thế-giới lại không giống nhau ? Về vấn-đề này, có kẻ cho rằng vì k<sup>l</sup> i-hậu các xứ khác nhau nên các giống người cũng nhân thế mà khác nhau. Theo thuyết này thì : người ở nhiệt-đới nhân vì quang tuyến (lumière) mạnh quá nên thành ra da đen lóc quăn ; còn người ở ôn-đới và hàn-đới thì da trắng và tóc ít quăn, là vì khí-hậu không nóng. Nhưng nếu xét cho hết cả các giống người trên thế-giới thì không phải là hoàn toàn nhất trí như trên kia đã nói. Theo như các nhà chủ trì cái thuyết « nhân - loại nhất nguyên » (Monisme), thì nói : « Con cháu của ông tổ nhân-loại lúc đầu tiên tính chất đã khác nhau rồi, sau nhân - khẩu (số người) mỗi ngày mỗi tăng, hoặc vì đi kiếm các thực-phẩm, hoặc vì tranh đấu cùng nhau mà phải lìa tan ra, lại vì có tính hiếu-kỳ, nên di-trú đi chỗ này chỗ khác và tán mạn khắp mọi nơi. Loài người lúc bấy giờ kể về cá-nhân đã khác nhau rồi, mà phân-phối đi các chỗ cũng không đều, chỗ này nhiều người da trắng, chỗ kia nhiều người da đen, đó chính là cái lý-do của sự chủng-tộc sai biệt (nói giống khác nhau). Về sau lại bị cái luật « tự-nhiên đào-thải » (la sélection naturelle), chỉ giống nào thích hợp với địa phương mình ở thì mới sống được mà thôi. Lại thêm cái lệ « thụ-hùng đào-thải », lâu ngày làm cho màu da thêm rõ ràng nhất định, mà các giống người mới khác hẳn nhau ».



Còn các nhà chủ trì cái thuyết « nhân-loại đa-nguyên » (Pluralisme) lại nói rằng : « Loài người có nhiều ông tổ, vì các ông tổ không giống nhau nên sinh ra con cháu cũng phải khác nhau ».

Theo khoa-học, lúc muốn xét loài gì cũng phải chia ra từng giống mới dễ xét. Vậy thì trong động-vật-học, như loài người thì nên chia ra nhiều giống hay là cứ cho là một giống cũng đủ rồi ? Đó là một vấn-đề lớn. Có người theo ý kiến ông Lin-nê (Linné, nhà vật-lý-học nước Thụy-điển về thế-kỷ thứ 18), nói rằng : ta có thể cho loài người vào một giống. Cũng có kẻ cứ theo cái cách phân loại trong động-vật-học và thực-vật-học mà nói rằng : nên chia loài người làm nhiều giống thì tiện hơn. Học-giả ai theo ý kiến nầy, đến nay cũng chưa có cái định-luận về bên nào cả.

## II. — CÁCH PHÂN-LOẠI TRONG NHÂN-CHỦNG

Cách phân-loại trong nhân - chủng tuy nhiều, nhưng hiện bây giờ thông dụng nhất là cách của ông Bơ-lu-man-bách (Blumenbach). Theo cách của Blumenbach thì có thể chia loài người làm mấy giống như sau này.

- 1.) Giống Cao-gia-sách (race caucasique)
- 2.) Giống Mông-cổ (race mongole)
- 3.) Giống Á-phi-lợi-gia (race éthiopique)



4.) Giống Á-mỹ lợi-gia (race américaine)

5.) Giống Mã-lai (race malaise)

Ngoài cách phân loại này, lại còn nhiều cách khác nữa, nhân thể mà những cái tiêu chuẩn để phân loại cũng không giống nhau ; nhưng hiện nay các phân loại về người cũng giống như cách phân loại trong động-vật và thực-vật mà thôi, cốt tìm được cái hệ-thống tự nhiên rồi cứ theo đó mà phân loại.

1.) *Nghiên-cứu lịch-sử*. — Muốn khảo-sát cái hệ-thống của một giống người thì phải biết rõ cái lịch-sử của giống người ấy. Châu Mỹ mà có bọn hắc-nô cư-trú, là vì người Âu-châu đem qua, chứ không phải nguyên có từ trước. Phía nam châu Phi mà có người giống Mã-lai là vì người Hà-lan lúc trước thực-dân ở châu Phi rồi mang người Mã-lai đến làm lao-động ở đó. Những điều ấy xét trong lịch-sử có thể biết được. Ngoài ra có chỗ hiện nay không có một giống người nọ cư-trú ở đấy nữa, nhưng di-tích vẫn còn để lại, đó là pho lịch-sử tự-nhiên, ta có thể xét những di-tích ấy mà biết được hệ-thống của các giống người.

2.) *Nghiên-cứu tiếng nói*. — Về tiếng nói thì nhiều khi vì giao-thông mà tiếng giống này lẫn lộn với tiếng giống kia, lại còn có những tiếng đồng nhau nữa, nên chi cũng không có thể nhất định lấy tiếng nói làm bằng cứ được. Nhưng có nhiều cái danh-từ cần-thiết lắm, như những tiếng dùng



để chỉ các bộ phận trong thân thể, những tiếng dùng để xưng hô trong bà con, thì những dân-tộc đã-man đến thế nào cũng cần phải có ; vì o nên nếu như có 2 giống người dùng những tiếng 1 ời đồng nhau để chỉ các điều ấy thì hẳn không phải là một việc ngẫu nhiên. Vì thế tiếng nói cũng có thể giúp sức cho việc khảo-sát cái hệ-thống các giống người.

3). *Khảo-sát về phong-tục và tập-quán.* — Vẫn biết rằng phong-tục tập-quán mỗi thời mỗi khác, cũng có khi ngẫu-nhiên mà ám hợp với nhau, không thể cho làm một cái định bình ; nhưng trong ấy cũng có cái tục cũ lưu-truyền lại, ta có thể theo đó mà nghiên-cứu.

4.) *Nghiên-cứu thể-chất.* — Lấy hình - chất người ta mà so sánh với ngôn-ngữ, phong-tục tập-quán, thì bên hình-chất khó biến-hóa hơn ; cho nên hình-chất thực là một cái tiêu-chuẩn để phân-biệt giống người.

Nói về thể-chất loài người thì hình dạng cái đầu, xương đầu, nét mặt, bộ răng đều có thể dùng làm tiêu-chuẩn để phân-biệt các hệ-thống, nhưng cái đặc trưng (caractéristique) bề ngoài ít biến-hóa mà dễ so sánh nhất là tính chất của tóc và lông quăn hay thẳng), hình dáng lỗ mũi (rộng hay hẹp) và cái nước da. Vậy nên nếu xét xem thể-chất, ngôn-ngữ, phong tục, tập-quán và lịch-sử của các dân-tộc, xem có quan-hệ với nhau nhiều hay ít thì đủ biết



cái hệ thống của dân-tộc này với dân-tộc kia gần hay xa, xem đó có thể biết được cái hệ-thống của các giống người, mà đó là cách phân-loại tự-nhiên.

### III. — SỰ SAI BIỆT CỦA NHÂN-CHỦNG

Theo cách phân loại tự-nhiên thì người trong thế-giới có thể chia làm 4 hệ-thống lớn : hệ-thống Á-tế-á, hệ-thống Âu-la ba, hệ thống A phi-lợi-gia, hệ-thống A-mỹ-lợi-gia ; ngoài ra còn nhiều chủng-tộc không thuộc vào trong bốn hệ-thống ấy. Nay hãy bàn qua về mỗi giống như sau này :

#### A. — HỆ-THỐNG Á-TÊ-Á

Chỉ trừ các dân-tộc ở về miền tây nam châu Á ra không kể, thì các dân-tộc về hệ-thống này ở khắp mặt bắc, mặt đông-bắc và mặt nam châu Á, lan sang đến mặt đông-bắc châu Âu, một bộ phận lan đến cả miền trung-ương châu Âu. Tóc mọc thẳng, da vàng, mũi tẹt, đó là những cái đặc-trưng của hệ-thống Á-tế-á. Nhưng trong hệ-thống này lại chia làm những chủng-tộc nam bắc khác nhau.

#### 1. — Chủng-tộc miền bắc

Các chủng-tộc ở miền bắc về phần ngôn-ngữ thì dùng tiếng « tắt trước ngữ » ( 漆 著 語, langue agglutinante, tiếng nói liú lắng như keo gắn chặt lại), trong một câu nói, tiếng này qua tiếng kia thì



xen vào nhiều tiếng trợ-ngữ, chẳng chịt lại mà thành ra ý nghĩa câu nói. Trong các chủng-tộc miền bắc thì có những dân-tộc này :

a) *Người Mãn-châu*. — Phần nhiều người Mãn-châu mình rất cao, đầu rộng, da vàng, tính-chất lạnh lẽ, khác hẳn với người Hán ở miền nam. Cách ngự-hàn (che lạnh) của người Mãn cũng khác người Hán ; người Hán hay mặc nhiều áo, người Mãn thì hay sưởi lửa (nhưng có nhiều người Hán ở miền bắc cũng ngự-hàn theo cách ấy).

b) *Người Mông-cổ*. — Người Mông-cổ ở vào khoảng giữa núi Thiên-sơn (Tian-chan) và núi A-nhĩ-thái (Monts Altaï). Xưa kia thế-lực người Mông-cổ to lắm, không những ở bán-bộ Trung-quốc và ở Mãn-châu mà thôi, họ đã từng đi xâm-lược đến bên Âu-châu kia nữa. Vua Thành-cát-tư (Gengis-khan) là một ông vua Mông-cổ rất hiển hách trong lịch-sử. Nhưng bây giờ người Mông-cổ xem chừng ý khí tiêu trầm, lười lnh bên hạ, cái trạng-huống rất thảm thiết đáng thương.

Người Mông-cổ cỡi ngựa và cỡi lạc-đà rất giỏi, một ngày chạy mười mấy giờ vẫn không biết mệt.

Nói đại khái thì dân Mông - cổ người cao lớn, đầu rộng, da vàng, gò má cao, mũi tẹt. Phần nhiều người Mông-cô lấy nghề du-mục làm cách sinh-nhai, nuôi trâu, bò, ngựa, dê và lạc-đà nhiều lắm.

Dân Mông-cổ theo đạo Lạt-ma.

Trong nước Mông-cổ có chỗ người trẻ tuổi thì



gióc tóc thành mấy cái đuôi thòng xuống sau lưng. lúc lớn lên thì gióc cả lại thành một cái bím. Con gái lúc chưa chồng cũng có nhiều bím, lúc có chồng thì gióc thành hai cái bím.

Dân Mông-cổ thuần-chính là dân-tộc Can-ca (Kalka).

c) *Người Can - mục* (Kalmucks). — Người Can-mục cũng là một bộ-phận có tiếng trong dân-c Mông-cổ. Không những họ ở miền tây miền am Mông-cổ mà thôi, lại còn ở lan sang đến miền đông-nam châu Âu. Người Can-mục gò má cao, mũi nhỏ, mặt giẹp nước da vàng hơi bần bần, mình không to lắm, tóc dài mà đen, râu rất ít.

Đàn ông thì cắt tóc nhưng vẫn để bím; áo thì bốn mùa đều dùng da cừu, lúc mặc áo thì dùng dây da buộc lại. Mùa nắng thường mặc đồ để hở cánh tay và nách. Đầu đội mũ lông, chân đi giày da mềm.

Phần nhiều lấy nghề du-mục làm cách sinh-nhai, nuôi trâu, bò, dê và lạc-đà. Lều của họ dùng để nằm giữa giời là làm bằng da, lấy cành cây làm cột. Cách kiến-thiết rất là đơn giản nên mang đi đâu cũng tiện, rất thích hợp với cách sinh-hoạt của họ.

Dân-tộc Can-mục tính tình ôn hòa, đối đãi người ngoài tử tế.

d) *Người Nhật-bản*. — Tuy rằng về ngôn-ngữ, phong-tục, dân Nhật-bản hình như thành ra



một dân-tộc riêng, nhưng xét trong thể chất thì người Nhật có cái đặc sắc nhiều lông, vậy nên hơi giống bọn Hà-di (Hiu) ở về phía bắc nước Nhật. Cũng có bọn người cao mà mảnh, mặt dài, mũi cao, lông ít, hơi giống người Triều-tiên ; cũng có bọn vóc giạ : to lớn, khổ mặt rộng, mũi dốc, gò má cao, lông ít, hơi giống người Mã-lai. Xem vậy thì người Nhật hình như một giống người « hồ lớn ». Nhưng phần nhiều người Nhật thì vóc giạ thấp nhỏ, nước da vàng, hoặc trắng, hoặc vàng nâu, đầu hơi rộng.

*e) Người Triều-tiên.* — Ta cũng có thể cho người Triều-tiên là một giống « hồ-lớn ». Phần nhiều cao lớn hơn người Nhật, đầu to, da vàng, mắt hơi xếch ngược lên, hai bên miệng hơi quýt xuống.

Đồ ăn thường hay bỏ tiêu, hành và tỏi.

Đàn bà mặc áo ngắn, quần dài, tính rất sạch sẽ.

Đàn ông lúc lấy vợ thì búi tóc, đội nón rộng vành. Đó là những phong-tục tập quán rõ rệt nhất của người Triều-tiên.

*f) Người Tông-gu (Tunguse).* — Người Tông-gu quá nửa ở về miền đông đất Xi-bê ri (Sibérie), trong lịch-sử Trung-quốc thường gọi là người Túc — thạ hoặc Nữ - chân. Trong các dân - tộc ở Xi-bê-ri, e không có dân-tộc nào chiếm được vùng đất rộng bằng dân-tộc Tông-gu.

Giống Ô-rô-cô (Orokhos) ở đất Hoa-thái nước Nhật cũng thuộc về dân-tộc Tông-gu.



Người Tông-gu thì đầu hơi dài, mặt dài, mắt nhỏ, mũi xếch, miệng rộng, tóc đen mà thẳng. Họ lấy nghề du-mục làm cách sinh-nhai. Họ hay nuôi hươu (renne) và chó, nuôi từng đàn như ta nuôi trâu bò vậy.

Họ dùng da thú hoặc vỏ cây để làm lều mà ở.

Mỗi năm đến độ tháng mười, họ vào rừng săn thú, thịt thì ăn còn da thì mang ra chợ bán.

Đến cuối mùa hạ thì người Tông-gu đánh cá để kiếm ăn.

Các nhà lữ-hành đều khen người Tông-gu tính chất ôn-hòa và hoạt-bát, hay có cảm-tình, ít khi làm mất lòng người ta.

Người Gôn-di (Goldi) cũng là một giống trong dân-tộc Tông-gu, ở miền hạ-du sông A-mua (Amour).

*g) Người Ji-li-ác (Giliaks .* — Người Ji-li-ác ở miền cửa sông A-mua và đất Hoa-thái, tự xưng là Nich - bun (Nikbun), da vàng sẫm, tóc đen mà thẳng, gò má cao, râu thì nhiều ít không định.

Đàn ông không cắt tóc, gióc thành một cái bím lớn, thông ra sau lưng; đàn bà thì rẽ tóc làm hai phần, gióc thành ra hai bím, hoặc bới sau đầu.

Áo quần vốn dùng da cá, da chó mà may, bây giờ dùng đồ ngoại-hóa, có kẻ mặc lối Trung, có kẻ mặc lối Nga; họ thích nhất là các thứ nhung đậm màu. Giày dép thì dùng da cá hoặc da hải-báo mà may.



Nhà ở thì lấy gỗ mà làm nhà vuông theo kiểu nước Nga, hoặc lấy vải làm lều để di-dịch cho dễ.

Họ hay ăn cá, nấu thật chín hay phơi thật khô mới ăn, lại hay uống trà, uống ca-phê, nhất là uống rượu.

*h) Người Sơ-cơ-ky (Chukchis).* — Người Sơ-cơ-ky ở miền đông bắc xứ Xi-bê-ri. Đàn ông mặc áo quần da hươu, tóc cắt rất ngắn, nhưng tóc trán lại để dài và thả thòng xuống. Đàn bà hay lấy mực chích vào trán, vào mũi, má và cằm.

Họ còn có một thứ áo ngoài may bằng ruột thú, dùng để đi mưa và ngừa lạnh.

Họ ở lều da. Họ săn hươu và các loài thú bẽ, lấy thịt để ăn, lấy mỡ thắp đèn, còn da thì may lều may áo.

Họ khắc và vẽ khéo lắm, hay vẽ các giống động-vật vào răng con hải-mã.

Hiện nay họ còn dùng cung tên giáo mác và các thứ đồ đá.

*i) Người Thổ - nhĩ - kỳ (Tures).* — Trong lịch-sử Trung-quốc thường gọi người Thổ-nhĩ-kỳ là Đột-quyết. Hiện nay người Thổ-nhĩ-kỳ ở cả châu Á và châu Âu, từ sông Hắc-long-giang cho đến miền đông châu Âu, chỗ nào cũng có người Thổ-nhĩ-kỳ ở. Trong dân-tộc này, những bộ-phận ở Trung-ương Á-tế-á (Asie centrale) thì huyết-thống vẫn còn thuần-lúy, còn những bộ-phận ở Âu-châu vì việc tạp-hôn với các dân-tộc khác nên



đã mất hẳn những cái đặc-trung của hệ-thống Á-tế-á, đến cả phong-tục cũng hóa theo Âu-châu, chỉ có bọn trung-lưu trở xuống là còn giữ cái phong-khí thuở xưa mà thôi.

Người Thổ-nhĩ-kỳ (hạng thuần-túy) mình cao chừng 5 thước rưỡi, đầu rộng, mặt hình quả trứng, mũi cao, môi dày, thân thể to béo mà nhiều lông.

Người Thổ-nhĩ-kỳ phần nhiều lấy nghề du-mục làm cách sinh-nhai, thường che lều mà ở.

Trong dân - tộc này thì người Ồt - tô - man (Ottomans = Osmans) là có pha lẫn giống khác vào. Đế-quốc Thổ-nhĩ-kỳ (Empire Ottoman) là do bọn họ kiến-thiết ra, trình-độ văn-hóa đã cao. Ngoài ra như người Kiếc-gi (Kirghizs) và người Thát-đát (Tartares) cũng thuộc về dân-tộc Thổ-nhĩ-kỳ.

Bọn họ đều theo Hồi-giáo (Islamisme)

Đàn ông mặc áo quần rất rộng, đầu bịt khăn. Đàn bà cũng mặc quần dài và rộng, khi nào ra đường thì lấy lười (Yashmack) che mặt lại, chỉ để hở hai con mắt mà thôi ; lại mang thêm một cái mền choàng ở ngoài nữa.

Ngón tay ngón chân thì nhuộm đỏ, lông mày bôi thật đen.

Nhà ở thường chia làm 2 phòng, đàn ông đàn bà ở riêng nhau.

Trong thượng-lưu xã-hội thì chế-độ đa-thê rất thịnh hành, còn ngoại ra thì một vợ một chồng,



nghe nói vì thuế-mả quá nặng nên người ít tiền không thể lấy được nhiều vợ.

*j) Người Kiểc-ghi (Kirghizs).* — Người Kiểc-ghi cùng chung một dân-tộc với người Thổ-nhĩ-kỳ, ở vùng Trung-ương Á-tế-á. Mình thấp mặt tròn, mũi nhỏ mà giẹp.

Đàn ông mặc áo quần rộng, choàng thêm cái áo ngoài, mùa lạnh có lúc mặc thêm ba bốn cái áo ngoài.

Đàn bà cách ăn mặc không khác đàn ông bao nhiêu, duy trên đầu không đội mũ da, lại lấy vải trắng trùm cả đầu liền cổ. Bọn nhà giàu mang áo nhung dài và đội mũ nhung.

Họ thích ăn thịt dê, và uống thứ rượu do sữa ngựa chế ra (Koumis), thứ rượu này rất hợp với vệ-sinh.

Người họ có cái tính-chất dặt-biệt, hai ba ngày tuyệt không ăn gì cả mà vẫn làm việc được ; nhưng đàn ông tính rất lười biếng, công việc phần nhiều do đàn bà làm cả. Con gái ít tuổi đem phải thức để giữ súc-vật.

Đàn ông cỡi ngựa rất giỏi, nhãn-lược cũng mạnh, trông được rất xa, thường hay làm người hướng-đạo (dẫn đường) cho các nhà lữ-hành.

*k) Người Phần (Finn) và người Lạp-phồ (Lapons.)* — Người Phần ở xứ Phần-lan (Finlande), người Lạp-phồ ở xứ Lạp-phồ-ni (Laponie) phía bắc châu Âu. Bọn họ tuy vì có huyết-thống Âu-châu



pha lộn vào, nên không giữ được những cái tính-chất cổ-hữu, nhưng đầu rộng mà tròn, thân-thể không cao bằng người Âu-châu, mặt đẹp, gò má cao.

Trình-độ văn-hóa người Phần không kém gì người Âu-châu, còn người Lap-phồ thì trình-độ còn thấp lắm, đàn ông đàn bà đều mặc áo da và đội mũ da.

Dân ở rừng núi còn thủ cựu hơn dân ở bờ bể ; nhưng gần đây phong-tục tập-quán dần dần hóa theo Âu-châu, đã bỏ da thú mà mặc áo nỉ.

Người Lap-phồ hay nuôi chó và hươu (renne), hươu dùng để cỡi, để kéo xe đi trên tuyết, để ăn thịt, để lấy da may áo.

l) *Người Xa-môi-dờ*. (Samoyedes). — Người Xa-môi-dờ ở khoảng giữa châu Á và châu Âu, tiếp với Bắc - băng - dương (océan glacial du Nord), đồng một giống với người Lap-phồ.

Áo quần, tất, mũ, giày toàn may bằng da hươu, lúc nắng thì cho phía có lông ra ngoài, lúc mưa thì trở vào trong.

Hươu tức là thứ tài-sản duy-nhất của họ, thịt dùng để ăn, da dùng để may áo quần giày mũ và may lều, còn các bộ-phận khác cũng có chỗ dùng cả.

Tinh họ rất ngay thẳng, lại hoạt bát ân cần, các nhà thám-biêm đều công nhận rằng họ đãi người lạ rất hậu.



## 2. — Các chủng-tộc miền nam

Tiếng nói của các chủng-tộc miền nam gọi là tiếng « cô-lập », (langues-isolantes), nghĩa là do những tiếng độc-lập kết lại mà thành. Người Hán, người Tây-tạng, người Thái, người Diến-điện đều là những chủng-tộc chủ yếu ở miền nam. Ông Véc-nô (Verneau) gọi chung mấy chủng-tộc ấy là chủng-tộc Ấn-độ Chi-na, thực ra nếu đem cả người Hán mà gọi chung vào trong tên ấy thì không đúng.

a) *Người Hán.* — Người Hán tức là người Trung-quốc, trước tây-lịch Kỷ-nguyên 2000 năm, từ phía tây bắc Trung quốc cứ dọc theo sông Hoàng-hà mà đi sang phía đông, đuổi các dân-tộc có sẵn ở đó, dần dần xuống đến miền nam cứ phiên thịnh mãi cho đến ngày nay.

Dân-tộc bị đuổi đó tức là người Miêu, ngày nay ở khắp các tỉnh Vân-nam, Quý-châu, Tứ xuyên và Quảng-tây.

Người Miêu mình chỉ cao độ bốn năm thước, đầu hơi to, mặt tròn, tóc đen, rậm và thẳng, râu thưa, lông mày đậm, đuôi mày quýt xuống.

b) *Người Tây-tạng* (Tibétains). — Tây-tạng là một cao-nguyên, bốn phía đều có núi bao bọc, nhiều chỗ không có cây cối gì cả, dân làm nghề còng đều ở về miền nam.

Người Tây-tạng thể-chất cũng tựa tựa như người Hán, nhưng ngôn-ngữ, phong-tục, tập-quán lại khác.



Người Tây-tạng nước da hơi đỏ, miệng lớn, mắt to, tay chân bé nhỏ, đó là cái thể-cách phổ-thông của họ, áo quần thì may bằng da beo, da dê, hoặc da ; vô luận áo dài hay áo ngắn, cái nào cũng rộng, đoạn ngang lưng lưng thụng, vì trong ấy họ bỏ nào túi đựng tiền, nào thực-khí cùng các vật khác nữa. Mũ thì nhiều thứ lắm, có thứ rất đẹp, bảo là của Trung-quốc chở đến.

Bọn Lạt-ma đầu cạo trọc, còn người thường thì gióc tóc. Họ hay đeo vòng xương hoặc vòng răng voi, vòng tai thì làm bằng vàng hoặc bạc.

Món thực-phẩm chủ-yếu là bột lúa mạch, bọn có tiền thì ăn bột mì Trung-quốc hoặc bột mì Ấn-độ. Họ cũng thích ăn thịt loài thú.

Dân Tây-tạng là dân làm nông, hay nuôi một loài trâu tên là ly-ngưu (Yak).

Phần nhiều người Tây-tạng thì một vợ nhiều chồng, thường thường ba bốn anh em chung nhau một vợ ; nhưng cũng có người một chồng một vợ hoặc một chồng nhiều vợ.

*c) Người Thái (les Thaïs).* — Người Thái phần nhiều ở nước Xiêm-la. Một trăm năm trước Kỷ-nguyên, người Thái ở miền Tứ-xuyên, Vân-nam tiến sang Xiêm-la, đó là dân-tộc mới nhất ở Ấn-độ Chi-na.

Người giống này đầu rộng, gò má cao, mặt có cạnh, mũi giẹp, dung mạo và thể-cách hơi giống người Nhật-bản, nước da hơi sẫm.



Dân-tộc này ở An-nam và Cao-miên cũng có, nhưng đông nhất là ở Xiêm-la, dân Xiêm-la tức là đại-biểu cho dân-tộc ấy.

Hiện nay người Xiêm-la về phong-tục và tập-quán đã hơi hóa theo Âu-châu. Theo tục cũ thì đàn ông xung quanh đầu cạo trọc, chỉ trừ một ít tóc trên đỉnh đầu mà thôi; đàn bà cũng thế nhưng tóc đỉnh đầu dài hơn tóc đàn ông. Hiện nay họ hót tóc theo lối Âu-châu, không những đàn ông như thế mà thôi, đến cả đàn bà cũng thế.

Xưa kia họ không mặc áo, hạ thể thì lấy miếng vải vắn tròn, lại do dưới háng bắt lên mà giắt vào trước mình, đàn ông đàn bà không khác gì nhau. Hiện nay họ đã mang áo lót mình, ngoài lại mặc thêm áo ngắn theo lối tây, nhưng hạ thể vẫn vẫn vải như trước.

Ngày xưa người Xiêm dùng gỗ hoặc tre làm những nhà nhỏ nhỏ, ngày nay đã có người làm nhà theo kiểu tây.

*d) Người Diễn-diện (Les Birmans).* — Người Diễn-diện hơi giống người Tây-tạng, họ cũng do Tây-tạng dời đến đất Diễn-diện.

Người Diễn-diện mình cao từ 5 thước trở lên, nước da hơi sẫm, trán rộng.

Họ hay mặc áo quần hoa hòe, đàn bà mặc áo trùu ngắn, còn hạ thể thì vẫn vải.

Nhà cửa làm bằng gỗ hoặc bằng tre, nền nhà đắp thật cao. Chùa đền thì xây bằng đá.

Gạo là món thực-phẩm chủ-yếu. Dân Diễn-diện



là dân làm nông, tính chất tuy không khỏi lười biếng, nhưng mạnh mẽ can đảm, có chí độc-lập, lại dãi người rất hậu, cảm tình rất tốt.

Văn-hóa Diến-diện chịu ảnh-hưởng Ấn-độ rất nhiều, về phương-diện tôn-giáo và phương-diện kiến-trúc lại rất rõ rệt.

Ở nhà quê hay dùng xe trâu xe bò để chuyên chở, nhưng ở thành phố thì tuyệt không có nữa.

*e) Người Na-ga (Les Naga).* — Dân-tộc Na-ga ở châu Á-xam (Assam) nước Ấn-độ.

Đàn ông đàn bà đều dùng vải quấn xung quanh mình. Đồ trang sức thì phức-tạp lắm, họ cũng xâu mũi để đeo đồ trang sức nữa. Dưới chân thì đeo nhiều vòng mây.

Nhà ở rất lớn, chia làm nhiều phòng nhỏ, chỗ thì để cho đàn bà trẻ con ở, chỗ thì nuôi súc-vật.

Trong các bộ-lạc, có làm nhà cho bọn thanh niên ở, cũng làm nhà cho con gái chưa chồng ở nữa.

Người Na-ga tính ham chém giết, hay tranh giành với các bộ-lạc khác, ai giết được nhiều người cừu địch thì vẻ vang lắm, vì thế bọn dũng-sĩ thường hay lấy tóc của kẻ thù lộn với lông dê đem nhuộm đỏ, xâu vỏ ốc vào rồi choàng vào vai để khoe mình là dũng-cảm. Vì họ hay tranh đấu, nhất thiết công việc gì đều giao đàn bà làm cả, họ tuyệt không biết đến.



## B. — HỆ-THỐNG ÂU-LA-BA

Những chủng-tộc thuộc về hệ-thống này ở Ấn-độ, miền tây châu Á, một phần lớn châu Âu và ven bờ Địa-trung-hải và Hồng-hải.

Các dân-tộc trong hệ-thống này chia làm những chủng-tộc miền nam và miền bắc.

### 1. — Những chủng-tộc miền nam

Những chủng tộc miền nam ở phía bắc châu Phi và phía tây châu Á ; cứ theo tiếng nói lại chia làm giống Ha-mít (Hamites) và giống Xê-mít (Semites).

#### 1.) — Giống Ha-mít (Les Hamites)

a) *Người Béc-be* (Les Berbères). — Dân - tộc này ở Ma-rốc, An-jê-ri (Algérie), Tuy-ni-di (Tunisie) và Tờ-ri-bô-li (Tripoli), thể-chất hơi giống người Anh và người Đức. Người Béc-be mình cao, mặt vuông, mũi cao, lông nhiều, sắc vàng hoặc đỏ, con người sắc vàng lợt hoặc sắc gio.

Có bọn che lều mà ở, có bọn ở hang, có bọn ở trong nhà đá nhỏ nhỏ.

Họ theo Hồi-giáo, nói tiếng A-ráp (Arabie), nên người ta thường nhận lầm mà cho là người A-ráp. Người Béc be và người A-ráp thể-chất cũng hơi giống nhau, nhưng vẫn là 2 dân-tộc khác nhau. Người A-ráp thuộc giống Xê-mít, còn người Béc-be thuộc giống Ha-mít. Xét cho kỹ thì người Béc-be thấp hơn người A-ráp, miệng và mũi thì rộng



hơn, màu da và màu tóc lợt hơn, thân-thể mạnh hơn.

Đàn ông mặc áo dài đến đầu gối, áo đàn bà lại dài hơn nữa, trên vai choàng một miếng vải to, không dùng lưới che mặt. Cách ăn mặc đơn giản hơn người A-ráp nhiều.

Vòng cổ và vòng tay là vật chủ-yếu trong các vật trang-sức ; có người cũng đeo vòng vào mũi.

Người Béc-be làm nghề nông, ít ăn thịt, bánh mì và quả là thực-phẩm chủ-yếu.

Họ chỉ uống thứ rượu của họ chế ra mà thôi, rượu ngoại-quốc đem đến tuyệt nhiên không uống lúc thường thì uống nước lã.

Họ hay hút thuốc, cũng có người lấy một thứ lá khác thay thuốc mà hút.

*b) Người Ai-cập (les Egyptiens).* - Người Ai-cập thấp hơn người Béc-be, tóc ít mà đen, con người mũi nâu.

Về phương-diện tôn-giáo thì người Ai-cập chia làm 2 bọn, bọn theo đạo Gia-tô (Copts) và bọn theo đạo Hồi-hồi (Fellahs). Hai bọn ấy tôn-giáo khác nhau đã đành, đến cả thể-cách cũng khác, nhưng gần đây thì về ngôn-ngữ, phong-tục, và tập-quán bọn Cốp-tơ (Copts) không khác gì bọn Phi-lát (Fellahs). Bọn Cốp-tơ chiếm địa-vị cao trọng trong xã-hội, bọn Phi-lát chỉ làm ruộng hoặc làm lao-động.

Về phương-diện phong - tục, bọn Cốp - tơ đã



dần dần hóa theo Âu-châu và Thổ-nhĩ-kỳ, nhưng vẫn còn đội cái mũ đỏ.

Đàn bà đã ăn mặc theo lối Âu-châu, nhưng cái lưới dày che mặt vẫn chưa bỏ.

Người Phi-lát mặc áo chạt ống tay.

Theo thói xưa thì đàn ông đầu cạo-trọc, lại mang tóc giả ; tục ấy đến bây giờ vẫn chưa bỏ hẳn.

Thực-phẩm của người Ai-cập không khác gì thực-phẩm của người Béc-be, nghề nông rất phát đạt nên bánh mì là thực-phẩm chủ-yếu.

Nhà cửa có vẻ đặc-biệt, nhà làm nhiều tầng, nhưng tầng trên lại lớn hơn tầng dưới, đó là cái kiến-trúc độc nhất trên thế-giới.

c) *Người Xô - ma - liêng* (Les somaliens). — Phía đông châu Phi có một miếng đất dơ ra gọi là Sa-mô-li (Samolie). Thổ-dân da đen, gò má cao, mũi nhỏ, tóc dài, thường dùng sữa lạc-dà bôi tóc cho láng. Đàn bà hơi lớn hơn đàn ông.

Người Xô-ma-liêng cỡi ngựa rất giỏi, ra trận thường hay cỡi ngựa, vũ-khí thì có giáo dài, lao, dao hai lưỡi, côn, bông, khiên cỏ.

Người Xô-ma-liêng độ mười lăm mười sáu tuổi đã kết-hôn, một chồng lấy nhiều vợ.

Đàn bà làm việc lao-động, không khác gì nô-lệ.

## 2). — Cống Xê-mít (Les Semites)

a) *Người A-ráp* (les Arabes). — Người A-ráp ở đất A - ra-bi (Arabie), đất Mê-dô - bô - ta - mi



Mésopotamie) và bờ vịnh Ba-ty (golfe Persique). Về phương-diện sinh-hoạt dân-tộc này chia làm 2 bọn : một bọn ở chốn đô-hội, theo nghề nông thương, chỗ ở nhất định ; một bọn che lều ở ngoài đồng, theo nghề du-mục, chỗ ở không nhất định, bọn này gọi là Bu-doan (Boudouains), nghĩa là người ở đồng.

Người A-ráp mình rất cao, đầu dài, xương sau đầu dô ra, mặt hình quả trứng, mũi mỗ diều, da sẫm sẫm hơi đen, tóc rất nhiều. Bọn Bu-doan nhân ở ngoài đồng luôn nên người rất mạnh.

Đàn ông mặc áo dài, trên đầu trùm khăn.

Đàn bà hay mặc cái áo ngoài rất rộng, gió bay phe phẩy, gặp người lạ thì trùm mặt lại, họ hay mang các đồ trang-sức bằng vàng hoặc bằng pha-lê.

Người A-ráp thích nuôi ngựa, ngựa cũng quý như vợ vậy ; ngoài ra thì nuôi lạc-dà, nuôi bò.

Thực-phẩm của người A-ráp cũng đồng thực-phẩm của người Béc-be.

Ông Ma-hô-mê (Mahomet) là nhà tôn-giáo có danh tiếng trong lịch-sử là người A-ráp, Ma-hô-mê tức là người lập ra đạo Hồi-hồi (Islamisme hay mahométisme).

*b) Người A-bit-xanh (Les Abyssins).* — Người A-bit-xanh ở đất A-bit-xi-ni (Abyssinie) phía đông châu Phi.

Y-phục thì phía trên mặc áo ngắn, phía dưới mặc váy, có người chỉ lấy miếng vải rộng bao cả thân-thể.



Lúa mạch là thực-vật chủ-yếu, ngoài ra thì ăn rau, ăn thịt, thịt sống lại thích lắm.

Lúc họ mời khách thì bắt khách ăn khi nào không đi được nữa mới vừa lòng ; lúc yến-tiệc đàn ông đàn bà cùng ngồi, không hề phân-biệt, đàn bà lại khéo mời khách lắm.

Nhà cửa thì lấy ván làm vách, rồi trét đất ở mặt trong và mặt ngoài ; ở chỗ đô-hội mới có nhà đá.

c) *Người Do-thái* (Les Juifs). — Người Do-thái nguyên ở đất Ba-lét-tinh (Palestine) ở phía đông Địa-trung-hải (Mer Méditerranée), bây giờ ở khắp các nước, không mấy người còn ở nước nhà, còn tiếng E-bờ-rơ (l'Hébreux) là tiếng nói của họ thì thành tiếng chết, nghĩa là không ai dùng nữa.

Người Do-thái đồng như người A-ráp, tóc quăn, mắt sáng, mũi mỏ diều.

Người Do-thái phần nhiều không có dũng-khí, nhưng rất mê kim-tiền, hễ có tiền thì việc nhờ nhóp đến đâu họ cũng làm được, đó là cái đặc-tính của người Do-thái. Người Do-thái ở nước Pháp thì hóa theo người Pháp, ở nước Anh thì hóa theo người Anh, cứ biểu - diện thì hiện nay ta không thể nói có cái phong-tục đặc-biệt của người Do-thái ; nhưng cái đặc-tính ham tiền như sinh-mệnh thì các người Âu-châu khác không người nào bằng. Ở Âu-châu, những nghề bán quần áo cũ và lau giày, hơn phần nửa là người Do-thái làm cả. Về những việc lớn họ cũng tài kiếm tiền



lắm ; mỗi ngày lễ-bái, các phố các điểm đều nghỉ ngơi cả, duy những thương-diểm của người Do-thái thì cứ mở cửa như thường. Họ cũng thực là khéo kinh-dinh thực !

## 2. — Những chủng-tộc miền bắc

Những chủng-tộc miền bắc, theo ngôn-ngữ khác nhau và các điểm khác, chia ra hai thứ: giống Phi-A-ry-an (Anaryan) và giống A-ry-an (aryan)

### 1). — Giống Phi-a-ry-an

a) *Người Cô-ca-diêng* (1) (Caucasiens). — Người Cô-ca-diêng ở xứ Cô-ca-di (Caucasie), vào khoảng dữa Hắc-hải (mer Noire) và Lý-hải (mer Caspienne). Những ngôn-ngữ ở xứ ấy rất nhiều thứ (người A-ráp xưa đã gọi xứ ấy là ngôn-ngữ-sơn), những giống người ở đó cũng nhiều lắm. Tiếng nói của họ là thứ « tất-trước-ngữ » của hệ-thống Á-tế-á, nhưng về nhân-chủng phân-loại thì họ lại thuộc về hệ-thống Âu-la-ba. Theo tiếng nói thì giống Cô-ca-diêng có thể chia ra ba đại-chủng là : giống nam-bô, giống tây-bộ, và giống đông-bộ. Trong các giống ấy có người Jê - ốc - jiêng mình cao, da trắng, tóc hơi sẫm hoặc đen, con người thì sắc gio, mũi cao, mặt hình-trứng, thực là giống người đẹp nhất trong thế - giới. Đàn-bà họ đẹp lắm, vì thế nên không khỏi tạp-hôn với

---

(1) Cao-da sách.



người Thổ-nhĩ-kỳ, người Ai-cập, người Ba-lư, cho nên thể-chất của họ tự-nhiên cũng không khỏi chịu ảnh-hưởng. Dân-tộc ấy, trình - độ trí - thức đã khá cao, họ có tục uống rượu thịnh lắm.

*b) Người Bát-cơ (Basque).* — Người Bát-cơ ở vào khoảng dữa nước Pháp-lan-tây (France) và Tây-ban-nha (Espagne), tại miền núi Bia-rê-nê (Pyrénées). Về thể-cách thì mình họ không cao không thấp, đứng vào trung-đẳng trong giống người Âu-châu, tóc đen, con ngươi sắc đen, đỉnh đầu hơi dô lên, nước da hơi vàng. Vì họ ở tại chỗ giao-thông không tiện nên cái lòng tự-hương của họ rất nặng, đi ra ngoài lâu bao nhiêu cũng không quên được cố hương. Tuy họ ở miền rừng núi mà thường vượt biển đi đến Mỹ-châu để đánh cá kênh. Họ không có pháp-luật thành-văn, chỉ cốt giữ lời thề ước thôi. Tính-chất họ hoạt-bát lắm, đàn ông đàn bà đều trèo núi rất tài. Phong-tục họ không khác gì mấy với phong-tục những miền nhà quê Âu-châu, không có điều gì đặc-biệt. Tiếng nói của họ dần dần tiêu diệt, ở gần Tây-ban-nha thì họ nói tiếng Tây-ban-nha, ở gần Pháp-lan-tây thì họ nói tiếng Pháp-lan-tây. Người Bát-cơ tuy hiện nay ở miền đất rất hẹp, nhưng về trước họ ở tản tác rất rộng. Nay cứ điều-tra các địa-danh thì thấy hiện nay phần nhiều địa danh ở Tây-ban-nha đều có ngữ-vĩ của tiếng Bát-cơ cả. Vả lại, ở nhiều nơi nước Pháp, nước Ý, đảo Xi xi lơ, đảo Xác-đê-nhơ cùng nước Anh vẫn thấy nhiều hình-tích của người Bát-cơ.



## 2. — Giống A - ry - an .

a) *Người Ấn-độ* (Hindou). — Người Ấn-độ ở nước Ấn-độ thuộc Anh. Xứ ấy có những giống người hệ-thống không đồng nhau, và trình-độ khai-hóa khác nhau, thực là vạn-biệt, cho nên người ta thường gọi là « Bắc-vật-quán về nhân-chủng ». Trong các giống người ấy thì dân-tộc Ấn-độ là ưu-tú hơn hết, và đứng địa-vị trọng-yếu hơn cả, nhân-khẩu của họ chiếm đến 3 phần 4 trong tổng-số. Cách đây bốn nghìn năm, tổ-tiên của họ do miền bắc xứ Ấn-độ xâm-nhập, chinh-phục được hết cả các dân thổ-trước, vì cái lý-do bảo-thủ quyền-lợi của dân-tộc họ cho vững vàng nên họ đem nhân-dân phân-biệt ra làm bốn giai-cấp. Cấp cao nhất gọi là cấp Bơ-ra-man (1) (Brahmans), tức là bọn tăng-lữ ; sau đến cấp Sa-tơ-ry-a (Kshatriya) tức là bọn vương-tộc hoặc sĩ-tộc ; sau nữa đến cấp Vê-di-a (Vaisyas), tức là bọn công-thương ; cuối cùng là cấp Xuy-đơ-ra (Sudra), tức là bọn lao-động hoặc nô-lệ. Cấp Xuy-đơ-ra đối với các cấp khác rất ty-tiện là vì họ là người bị chinh-phục mà 3 cấp kia là người chinh-phục. Trong 4 cấp người ấy, chế-độ giai-cấp rất nghiêm, không thể di-động được. Bọn lao-động, chính là dân thổ-trước đầu tiên của Ấn-độ, đến sau người giống A-ry-an xâm-nhập, họ bèn phải tránh ở miền rừng núi hoặc miền mũi biển, có người biến-thành người

---

(1) Bà-la-môn.



nô-lệ mà ở trong cái vị-trí tối ty-liệt vậy. Trong nhân-chủng-học, nói rằng dân-tộc Ấn-độ là chỉ nói về 3 giai-cấp trên. Văn-minh của nước Ấn-độ thượng-cổ là do hạng người Ấn-độ ấy sản-xuất. Hiện nay phong-tục của người Ấn-độ thì đàn ông đàn bà bận mặc sơ sài, đồ trang-sức thì thường dùng ngọc hoặc bảo-thạch ; những nhà ở thường thì đơn giản, nhưng những vật kiến-trúc về tôn-giáo thì đều chạm khắc to tát đẹp đẽ lắm. Tư-tưởng về tinh-thần của họ từ xưa đến nay phát-đạt lắm, mà ngày thường thì sinh-hoạt rất là đơn giản ; đồ ăn chủ-yếu của họ là cơm rắc ít thứ hương-liệu gì như ca-ri, để trên cái lá chuối hoặc lá cây gì to ; khi ăn thì lấy tay bốc chứ không dùng niêng hoặc đũa. Người họ hơi cao, nước da hơi sẫm hoặc vàng sẫm, tóc đen và quăn hoặc dợn sóng.

*b) Người Y-ra-niêng (Iraniens).* — Người Y-ra-niêng ở tại miền cao-nguyên I-răng ; người Ba-tur, người Ác-mê-ni đều là đại-biểu cho dân-tộc ấy. Hiện nay dân-tộc ấy không được thuần-túy lắm, hơn một nửa có thể-chất như người Át-xy-ry (race assyrienne, là giống người do thành Baby-lone dựng nên nước Assyrie, vào thế-kỷ 15 trước tây-lịch kỷ-nguyên) ; nói rõ ra thì nước da họ trắng mà có hơi vàng sẫm, đầu to và rộng, mũi hẹp mà hơi bình vòng câu, người ta thường gọi là mũi Át-xy-ry. (nez assyrien'.



c) *Người Y-ly-riêng* (Illyriens). — Người Y-ly-riêng phần nhiều ở miền bắc xứ Hy-lạp và cả xứ An-ba-ni. Người An-ba-ni là đại-biểu cho dân-tộc ấy. Họ đương ở thời-kỳ bán-khai-hóa. Minh thì cao, nước da trắng hoặc hơi vàng sẫm. Đàn ông đàn bà đều thích những cái đẹp dễ, lại ham tranh đấu, ham lừa kẻ yếu để cướp bóc vật-phẩm. Quần áo thì ống chặt, trên ống chân có vải bọc ; đàn ông đàn bà, trên lưng đều khoác cái áo trùm rộng ; y-phục của họ khác hẳn với y-phục của các người Âu-châu khác, nhìn xúc-mục lạ thường.

d) *Người Hy-lạp* (Helléniens). — Người Hy-lạp không những chỉ ở xứ Hy-lạp mà thôi, họ đã vượt qua quốc-cảnh mà đến ở miền bờ biển Công-tăng-ty-nốp (Constantinople), cùng sang ở cả miền đông-nam nước Ý-đại-lợi nữa. Hiện nay người Hy-lạp vì tạp-hôn cùng người Thổ-nhĩ-kỳ, người Bồ-gia lợi (Bulgarie) và người Tư-lạp-phu (Slave) cho nên họ không còn cái dung mạo của người Hy-lạp chân-chính ngày xưa nữa. Y-phục họ hơi giống y-phục người Ý-đại-lợi, đàn ông thì có tuc thắt lưng thiết chặt.

e) *Người Ý-đại-lợi* (Italiens). — Người Ý-đại-lợi tức là người La-mã, họ ở tại bán-đảo Ý-đại-lợi, cùng đảo Xi-xi-lơ, đảo Xác-đê-nhơ. Dung mạo họ không giống dung mạo người Hy-lạp : đỉnh đầu bằng, trán không rộng, ở giữa trán và mũi có chỗ lõm xuống, sống mũi như mỏ diều, người ta gọi



là mũi La-mã (nez romain), mình thì trung-bình, nước da hơi sẫm, tóc đen, con người đen.

Tiếng nói thì dùng tiếng Ý-đại-lợi, là tiếng Lạp-đinh trước biến-thành. Ngoài ra những tiếng Pháp-lan-tây, Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha cũng do tiếng Lạp-đinh biến thành, cho nên những giống người nói các thứ tiếng ấy lại gọi tên là giống Lạp-đinh (Latin) nữa.

*f) Người Xen-tơ (Celte).* — Người Xen-tơ tuy ở cả Anh-cát-lợi, Tô-cách-lan và Ái-nhĩ-lan, nhưng đại-biểu cho dân-tộc ấy là người Pháp-lan-tây. Một phần năm trong số người nước Pháp là người Xen-tơ. Họ có tính ham vẻ tân-kỳ, hay có lòng chán, không có hăng tâm, trọng danh khinh thực, hay trau dồi bề ngoài, đó là những cái đặc-tính của họ. Về tiếng nói thì có một cái đặc-điểm là : phạm một câu có hai tiếng liên-vận với nhau, vì nói ra hơi khó, nên họ lấy một chữ mâu-âm ở cuối tiếng trên để nối vào tiếng dưới mà nói cho dễ (liaison).

*g) Người Điều-dốn (Teutons).* — Người Điều-dốn phân-bố rất rộng, người Thụy-sĩ, Hà-lan, Đan-mạch, Thụy-điển, Nã-uy, Anh-cát-lợi, Băng-lan, đều thuộc về dân-tộc ấy ; họ hơi giống với người Béc-be ở phía bắc Phi-châu. Mình họ cao, nhiều lông, tóc hơi vàng hoặc đỏ, con người sắc gio trắng. Tính-chất họ không nhẹ nhàng hiếu-kỳ như người Xen-tơ, đương thời khừ-cự canh-tân này mà đối với một điều gì họ cũng nghĩ trước thật chín thì



mới làm, vì thế nên những điều tác-ác họ cũng không chịu sửa đổi ngay. Ngoài ra, làm việc họ thường chú-trọng thực-chất chứ không thích kiểu-sức bề ngoài.

Người Điều-dồn bản lai là một dân-tộc chưa khai-hóa ở miền bắc đế-quốc La-mã, đến cuối thế-kỷ thứ 4, họ mới dời sang miền tây, trong đó có người Nốc-măng (Norman) dời đến ở miền Si-căng-di-na (Scandinavie), người Ăng-lô-Xác-xông (Anglo-Saxon), dời ở tại Anh-cát-lợi, từ đó rồi dần dần họ mới bước vào khoảng văn-minh.

Người Hoa-kỳ hơn phần nửa là con cháu người nước Anh về giống Điều-dồn, cho nên gọi là giống Ăng-lô-A-mê-ri canh (Anglo-Américaine), nhưng vì họ lộn lạo với các người Âu-châu khác nên nay thành một thứ người gọi là người Hoa-kỳ-thức (Type Yankee). Nước da họ cũng hồng lợt như da người Anh, tóc nhiều và đen chứ không hoe như tóc người Anh. Tính-chất cũng không đồng tính-chất người Anh, phần nhiều là kinh-suất, không có khách-khí mà hay hiếu danh.

*h) Người Tư-lạp-phu (Slave).* — Người Tư-lạp-phu ở những xứ Nga-la-tư, Hung-gia-lợi, Bồ-gia-lợi, và Tắc-nhĩ-duit (Serbie); mình họ cao, gò má cao, mũi-thấp, nước da trắng, nhiều lông, tóc hơi sắc vàng. Họ thường thường hòa-khí, người nông-dân Tư-lạp-phu rất đơn giản thô-dã, lại giàu tính nhân-nại; nhà cửa họ làm bằng gỗ, hình vuông, vô luận nhà nào, đều làm một cách ấy cả.



## C. — HỆ-THỐNG Á-PHI-LỢI-GIA

Những dân-tộc thuộc về hệ-thống Á-phi-lợi-gia ở Phi-châu từ miền sa-mạc về nam. Nước da họ đen, tóc quăn, mũi thấp, có thể chia ra ba thứ: giống Hắc-nô (Nègre), giống Tiền-hắc-nô (Négrillon) và Chuẩn-hắc-nô (Négroïde)

1. — *Giống Hắc-nô.*— Giống Hắc-nô ở từ cửa sông Xê-nê-gan (Sénégal), phía nam đến gần miền xích-đạo, phía đông đến miền thượng lưu sông Ni-la (Nil). mình họ cao độ 5 thước 6 tấc, nước da đen, đầu dài, mũi bằng và thấp, mặt nửa dưới dô ra, môi rất dày, trên mình có một mùi đặc-biệt như mùi hôi nách. Cứ diện-mạo mà xem thì giống người ấy tự-hồ như một giống người tối hạ-dẳng; song cứ xét theo trạng-thái sinh-hoạt thì không thể cho họ là dân-tộc tối-liệt trong thế-giới được. Những thổ-nhân ở Úc-châu và miền nam Mỹ-châu so với giống Hắc-nô thì dã-man hơn nhiều lắm. Giống Hắc-nô vẫn có một thứ văn-hóa tương-dương, họ biết dùng khí-cụ bằng kim-thuộc, quần áo cũng đã phát-đạt, họ đều dùng thứ thổ-bố để quăn quanh mình, lưng có che vải, có khi nửa mình trên để trần, nhưng không khi nào để truồng cả thân-thể; nhà cửa thì nhỏ hẹp, nhưng có xây vách đất; chung quanh nhà trồng rất nhiều thứ cây tiên-nhân-chướng, nó leo ra khắp nơi để giữ cho vách đất khỏi đổ, lại có trồng nhiều thứ cây gai để phòng địch-nhân,



Hiện tại bọn Hắc-nô ấy bị người Âu-Mỹ bắt làm nô-lệ, đem sang Nam-Mỹ, Bắc-Mỹ rất nhiều. Trong giống Hắc-nô lại chia ra nhiều chủng - tộc nhỏ, phong-tục tập-quán nhiều đều khác nhau, trước-danh nhất là giống Đa-hô-man (Dahoman).

Giống Đa-hô-man ở tại miền tây xứ Đa-hô-mê (Dahomey). Bọn họ có cái phong-tục rất đặc-biệt là nương-tử-quân. Thời cổ đại, người Hy-lạp nói có con gái tổ-chức thành quân-đội gọi là A-ma-dôn (Amazone), hiện nay nương-tử-quân của người Đa-hô-man cũng giống quân-đội A-ma-dôn xưa ấy.

Bọn nữ-binh ấy dũng-cảm rất có tiếng, phần nhiều là con gái chưa chồng, có người đem cắt cả vú đi để thêm sức mạnh. Phương-pháp tranh-chiến thì không có người đại-tướng làm Tổng-tư-lệnh như trong quân-đội các dân-tộc văn-minh, chỉ ai thấy địch-nhân thì đánh, giết được nhiều người thì có bao thưởng, khi giết được người nào thì lột da đầu người chết để làm đồ trang-sức trong mình hoặc trong nhà, như thế họ cho là cái quang-vinh vô thượng. Mỗi lần họ giết được một người thì lấy máu gắn vào báng súng một cái vỏ ốc trắng, người nào mà súng có nhiều vỏ ốc ấy thì được thiên hạ khen ngợi lắm. Họ lại còn có một cái tục kỳ quái nữa là khi làm diên-lễ thì thường lấy người làm hi-sinh : những khi khải-hoàn, họ đem những tù-binh ra giết, hoặc khi quốc-vương chết, họ cũng giết rất nhiều người ; có khi trong khoảng mấy tháng trời mà họ giết



đến mấy trăm mấy nghìn người. Khi giết người thì họ cho ăn mặc quần áo thiệt đẹp rồi đem chém đầu ; những xương đầu, xương tay chân của kẻ bị giết họ lấy làm đồ trang-sức.

2. — *Giống Tiều-hắc-nô*. — Giống Tiều-hắc-nô tuy cũng hơi giống giống Hắc-nô, nhưng thân thể nhỏ hơn. Có nơi người thành-niên rồi mà chỉ cao độ 4 thước 5 tấc ; trước kia người ta cứ cho người É-t-ky-mô (Esquimaux) là nhỏ hơn cả trong thế-giới, nhưng kỳ-thực thì người Tiều-hắc-nô là nhỏ hơn hết. Người Tiều-hắc-nô ở từ miền thượng-lưu sông Uy-găng-đa (Uganda) đến miền Ga-bong (Gabon) ở hải-ngạn xứ Công-gô (Congo) thuộc Pháp. Trong giống Tiều-hắc-nô có nhiều chủng-tộc nhỏ, nhưng bộ-lạc rất nhỏ, có giống Ác-ca (Akka) ở miền thượng-lưu sông Ni-la (Le Nil) là đại-biểu cho chủng-tộc ấy. Lại còn có hai giống trước danh hơn hết là giống Bô-si-man (Boshiman) và giống Hốt-tăng-tô (Hottentot), hai giống này ở miền tây-nam Phi-châu, từ 18 nam-vĩ-độ ( $18^{\circ}$  de latitude) về nam, và từ 23 đông-kinh-độ ( $23^{\circ}$  de longitude) về tây. Minh họ so với giống Tiều-hắc-nô miền bắc như giống Ác-ca có cao hơn, ước từ 4 thước 5 tấc đến 5 thước 1 tấc : minh họ có cái đặc-trung là khu đít nhô ra.

Bo-si-man là tên của người Hà-lan đặt, có ý-nghĩa « người ở rừng ». Họ phần nhiều ở truồng, chỉ có chút da thú che lưng thôi. Họ ở trong rừng, lấy cành cây làm giá rồi lợp chiếu hoặc da thú lên



trên làm nhà ở. Họ dùng tên đọc để bắn đà-diều (autruche), lấy thịt ăn, lấy lông làm vật trang-sức.

Giống Hốt-lăng-tô cũng như giống Bô-si-man, ở miền khoáng giả phía nam Phi-châu ; tên ấy theo tiếng Hà-lan nghĩa là « si-đôn ». Sắc da họ vàng chứ không đen như giống Bô-si-man, thân hơi cao, to lớn và mạnh bạo hơn người Bô-si-man ; mặt tròn, gò má cao, bụng to, dít nhô ra và mạnh lắm : đàn bà khi công con, con có thể đứng lên trên dít ; đàn bà lại có vú rất dài, khiến con trẻ đứng trên dít có thể vươn qua vai mà bú được.

3. — *Giống Chuẩn-hắc-nô.* — Giống này có tên gọi là Ban-tu (Bantu), nơi họ ở là miền Công-gô thuộc Pháp, từ miền Đại-hồ (Grands lacs) đến bờ biển phía đông và các xứ ở miền nam. So với giống Hắc-nô thì nước da họ đen mà lợt hơn, tóc ít quăn hơn, mũi không thấp lắm, mình thì cao bằng người Hắc-nô, đầu cũng dài như người Hắc-nô. Mình họ trừ nơi lưng có che một chút da thú, còn thì để truồng cả. Đàn bà thì đầu để tóc mọc tự nhiên, đàn ông thì cắt một phần, để một phần. Đàn ông thì lấy dây đeo đuôi thú vào lưng làm đồ trang-sức, đàn bà thì lấy da thú cắt ra từng miếng vuông để đeo vào lưng. Nhà ở thì giống nhà của người Bô-si-man, cửa rất nhỏ, vào ra phải cúi lom khom. Họ nuôi bò rất nhiều, nghề nông cũng phát đạt. Đất họ ở lắm thứ châu chấu nên mùa màng hay mất luôn, cũng vì thế mà họ dùng châu chấu làm món



đồ ăn rất ngon. Họ rất thích hình tròn chứ không biết hình vuông là cái gì.

Bởi thế đàn ông đàn bà đều buộc tóc theo hình tròn, nhà cửa làm theo hình tròn, nhiều nhà họp thành thôn-lạc cũng theo hình tròn. Ở dĩa thôn-lạc tất có chốn mục-trường ; chung quanh mục-trường có xây một lớp tường thấp, mé ngoài lớp tường thì nhà người ở đều xếp theo hình tròn ; ngoài chỗ người ở lại có một lớp tường cao xây tròn. Các bộ-lạc đều cấu-tạo như thế cả. Trình-độ văn-hóa của họ tuy còn thấp, nhưng họ cũng có thể làm những khí cụ bằng kim-thuộc được ; vì có dao dũa bằng kim-thuộc nên lại có thể làm những đồ bằng gỗ. Những đồ dùng để ăn uống như mâm, bát, muông, môi, đều có chạm khắc khéo lắm. Ngoài ra họ còn có một thứ công-nghệ đặc biệt là lấy huyết bò mà làm đồ. Họ lấy đất nặn thành một cái mô hình, lấy huyết bò bôi ở ngoài nhiều lớp cho thật dày, để phơi cho khô, đem dùi một lỗ rồi dần dần moi hết đất ra, thế là có một cái đồ toàn bằng huyết bò. Họ lại hay hút thuốc, ống điếu có cái bằng đá, có cái bằng gỗ. Có khi họ lại dùng một cách kỳ-diệu là đắp một u đất nhỏ, dùi một cái lỗ dọc, và một cái lỗ ngang, bỏ thuốc vào lỗ dọc rồi nắm ghé mồm vào lỗ ngang mà hút. Họ lại có một cách hút thuốc kỳ dị khác là đem thuốc bỏ vào miệng cho đến khi rửa nước miếng thực nhiều, lấy một cái ống trún nước miếng ấy ra, để vẽ những hình tròn trên mặt đất.



*Phụ — Giống Loại-hắc-nô.* — Ngoài ba giống Hắc-nô kể trên lại có một giống người tương tự với giống Hắc-nô, gọi chung là giống Loại-hắc-nô (Négrito). Những giống Minh-cô-bi (Mincopis) ở tại các đảo An - đa - man (Andaman) về phía đông vịnh Băng-gan, giống Sa-cai ở miền bắc xứ Ma-la-ca, giống Ác-ta (Acta) ở quần-đảo Phi-luật-tân, đều thuộc về giống Loại-hắc-nô ấy cả. Minh họ cao độ 4 thước 8 tấc, đầu to rộng, tóc quăn mà đứng thẳng trên đầu, mũi thấp, cánh mũi rộng, nước da đen, toàn-thể hơi gầy. Bọn họ hay dùng cung tên để săn thú, cũng dùng đồ đạc bằng đá. Trước khi bị người giống Mã-lai xâm-nhập thì ở các xứ Ấn-độ và bán-đảo Ma - la - ca giống Loại-hắc-nô ấy ở nhiều lắm.

#### D. — HỆ-THỐNG Á-MỸ-LỢI-GIA

Những chủng-tộc thuộc về hệ-thống này ở lán nát các miền nam bắc Mỹ-châu. Nước da họ vàng hoặc hơi sẫm, hoặc sắc quả trám, tóc thì mọc đứng và lộn tóc quăn, mũi cao, mắt ngang bằng. Hệ-thống ấy có thể chia ra những giống sau này :

1. — *Giống Ét-ky-mô* (Esquimaux). — Giống này ở từ đảo Gơ-răng-lan (Greenland) đến bán-đảo A-lát-ca (Alaska), về miền bắc-cực Mỹ-châu ; cũng có một phần đi qua eo biển Bê-rinh (Détroit de Béring) sang ở miền cực-đông phía bắc Á-châu. Những chỗ họ ở tuy cách xa nhau, song phong-tục tập-



quán thì như nhau cả. Minh cao từ 5 thước 2 tấc, đến 5 thước 4 tấc. Nước da vàng, không râu, mặt tròn, gò má cao, mắt ngang bằng, con người đen, môi hơi dày. Sinh-hoạt của họ hòa-bình lắm, chỉ đánh cá và săn hải-thú mà thôi. Họ không biết ăn chín, chỉ ăn thịt sống, bởi thế mới gọi là người É-t-ky-mô (Chữ É-t-ky-mô có ý-nghĩa « ăn thịt sống », à tên của người giống khác đặt cho họ, chứ họ tự xưng là In-nuy (Innuít) kia. Y-phục thì dùng da chim da thú hoặc ruột hải-thú, làm những cái áo ống hẹp, vạt dài, dễ mặc. Đầu thì đội khăn, đàn bà thì bên mép có vẽ. Mùa ấm thì họ ở trong lều lợp bằng da hươu, mùa lạnh thì lấy băng-tuyết xây những phòng hình bán-cầu. Mỗi nhà đều có một cái đèn phao thấp bằng dầu cá, đèn ấy dùng để sưởi cho ấm và đốt cho băng tuyết chảy thành nước để uống. Họ thường nuôi chó và hươu. Trong các chủng-tộc Á-mỹ-lợi-gia thì người É-t-ky-mô là có trí-tuệ hơn hết.

2. — *Giống Ấn-đi-an* (Indian). — Giống Ấn-đi-an là người Ấn-độ-Mỹ-châu, họ ở từ Bắc-băng-dương đến địa-cảnh Gia-nã-đại và Hoa-kỳ. Tuy gọi họ là hồng-phiên nhưng kỳ thực thì nước da họ không đỏ như đồng, da họ sắc vàng mà có đồ màu hồng mà thôi. Minh họ hơi cao, mũi cong như mũi diều, trên đầu đội lông chim làm trang-sức. Giống ấy chia ra ba thứ như sau này :

a) Giống ở miền Bắc - băng - dương. — Giống này ở miền A-lát-ca và Gia-nã-đại, từ đây



núi Rốt-sơ (Montagnes rocheuses) trở về đông, thường gọi là người Át-ta-bát-căng (Athapaskan), họ chuyên nghề săn-bắn, cũng có kinh dinh nông-nghiệp nữa.

b) Giống ở miền Đại-tây-dương. — Giống này ở miền Đại-tây-dương và nước Hoa-kỳ từ dãy núi Rốt-sơ trở về đông. Da họ bôi sắc hồng, có vẽ hình nữa. Họ chuyên nghề săn bắn hoặc cày cấy, lại hay chiến-đấu lắm.

c) Giống ở miền Thái-bình-dương. — Giống này ở miền A-lát-ca, Gia nã-đại và Hoa-kỳ từ dãy núi Rốt-sơ trở về tây. Họ không đồng hai giống kể trên kia, đàn ông có râu, trước khi người Âu-châu sang Mỹ-châu họ đã biết dùng xơ cây và lông thú để dệt vải rồi. Họ có tục vẽ hình ở ngoài da.

3. — *Giống Ấn-đi-an Trung-Mỹ.* — Giống này ở những miền Mét-xích và Trung-Mỹ, có rất nhiều chủng-tộc nhỏ. Thể-chất họ đại-khải cũng đồng như thể-chất người Ấn-đi-an nói trước kia, chỉ có đầu to rộng hơn và mình hơi thấp hơn mà thôi. Trình-độ khai-hóa ngày xưa của giống này tự-hồ hơi đồng người Ai-cập, hiện còn thấy nhiều di-tích của các cung-điện thần - miếu. Họ lại cũng từng đã có một thứ văn-tự, cứ xem những đồ chạm khắc của họ thì biết. Vả chẳng có thuyết nói rằng trước khi người Tây-ban-nha sang Mỹ-châu thì họ đã từng tổ-chức thành một vương-quốc rồi.



4. — *Giống An-đê-ăng* (Andeans). — Giống này khởi nguyên tại Trung-Mỹ, hơn nửa ở miền Nam-Mỹ từ dãy núi An-đơ (Andes) trở về tây, cũng là một chủng-tộc trong giống Ấn-di-an. Trước khi người Âu-châu sang Mỹ-châu, họ đã từng biết dệt vải, chế-tạo đồ bằng vàng, bạc, đồng và đất, và làm nhà bằng đá ; phần nhiều chuyên làm nghề nông ; trình-độ khai-hóa của họ cũng đã khá cao. Minh họ thấp mà to, cũng đồng như người Mét-xích và người Ấn-di-an.

5. — *Giống A-ma-dôn và Bơ-rê-din* (Ama-zones et Brésilliens) — Người A-ma-dôn ở miền lưu vực sông A-ri-nô-cô (Arinoco) và sông A-ma-dôn. Người Bơ-rê-din là một thứ người Ấn-di-an ở từ miền đông xứ Bơ-rê-din (Brésil) cho đến miền trung-ương đại-lục Nam-Mỹ, trình-độ khai-hóa còn thấp, thường nhờ nghề đánh cá và săn thú để sinh nhai.

6. — *Giống Ba-ta-gô-niêng* (Patagoniens). — Giống này ở về xứ Ba-ta-gô-ni (Patagonie) phía nam nước Ác-jang-tinh (Argentine). Nước da họ sẫm, mũi cao nhưng không cong như mỏ diều, mình cao lẫm, có đến 5 thước 7 tấc hoặc 6 thước, mắt hơi xếch, gò má hơi cao, râu ít, lông mày sưa. Minh mặc da thú, đồ ăn thì lấy nơi tự-nhiên.

7. — *Giống Phơ-giêng* (Feugiens). — Giống này ở miền cực-nam Mỹ châu, tại những đảo Tê-rơ-đơ-phơ (Terre de Feu). Giống này là giống xưa nhất trong hệ-thống Á-mỹ-lợi-gia, thực là giống



người liệt-đẳng nhất trong thế-giới. Mình mặc da thú, tóc để tự-nhiên, thực-vật nhờ tự-nhiên cung-cấp.

## E — NHỮNG GIỐNG NGƯỜI Ở CÁC HẢI-NGẠN VÀ ĐẢO-DỮ

Những giống ở hải-ngạn và đảo-dữ là những giống người không thuộc về bốn hệ-thống kể trên, gọi chung một tên như thế.

1.— *Người Úc-dại-lợi* (Australiens). — Người Úc-dại-lợi ở tại miền trung-ương đại-lục Úc-châu, và miền hải-ngạn phía bắc. Những người Đơ-ra-vi-diêng (Dravidian) ở tản tât ở xứ Bản-gia-nhĩ và hải-ngạn Ma-la-ba (Malabar) nước Ấn-độ tự hồ cũng một huyết-thống với giống ấy. Nước da họ đen sẫm, mình cao độ 5 thước 5 tấc, đầu dài, lông mày dơ ra như vòng cung, ở dữa trán và mũi có chỗ lõm sâu, mũi bằng, lỗ mũi lớn, môi dày và chìa ra, mình nhiều lông, râu rậm, tóc dợn sóng và để mọc tự-nhiên. Da họ thường vẽ những hoa, họ lại hay lấy đất đỏ hoặc đất trắng đồ lên da để trang-sức. Mình họ tuy có khoác da thú, nhưng lưng không có gì che. Nhà cửa thì lấy cành cây làm giá và lá cây lợp lên. Ăn uống thì phần nhiều nhờ tự-nhiên cung-cấp, nhưng cũng biết dùng lửa để nướng đồ ăn. Tuy họ có tiếng là hay ăn thịt người, nhưng tính-tình rất là ôn-hòa và nhân nại. Đi săn họ có một cái lợi-khí đặc-biệt gọi là Bôm-mơ-rang (Boo-



merang), lấy nhánh cây cong chẻ ra thanh mỏng để làm, dài độ 2 hoặc 3 thước. Khi họ dùng thì nhắm vào con chim hay con thú để ném, cái ấy vừa quay vừa bay tới, nếu không trúng đích thì khi nào hết sức nó lại bay trở về, người Trung-hoa gọi cái ấy là phi-khử-lai-khí, cũng ý-nghĩa như chữ Boomerang. Những người ném giỏi có khi ném xa được đến 10 trượng trở lên.

2. — *Giống Mã-lai* (Malais). — Giống Mã-lai ở tại bán-đảo Mã-lai và quần-đảo Mã-lai; nước da vàng, tóc đứng, không có râu, hơi giống người Ấn-độ Chi-na ở miền nam Á-châu, nhưng tiếng nói của họ không phải đơn-âm (monosyllabique) mà lại đa-âm (Polysyllabique). Đại-biểu cho giống ấy là người Mã-lai và người Ấn-độ-nê-diêng.

a) *Người Ấn-độ-nê-diêng* (Indonésiens). — Người này mình hơi thấp, đại-ước độ 5 thước 2 tấc, đầu hơi dài, mũi bằng, gò má cao. Những giống Bát-ta (Battas) và giống Cu-bu (Kubu) ở đảo Xuy-ma-ta (Sumatra), giống Đây-ác (Dayaks) ở đảo Bốc-nê-ô (Bornéo), giống Y-phu-ga (Ifugaos) ở đảo Luy-dông (Luzon), đều thuộc về giống này cả. Họ thường ăn thịt người, thân-thể dễ truồng phần nhiều, chỉ che một chút vải nơi háng thôi.

Phụ — *Người Đài-loan*. — Người Đài-loan tuy chia ra sinh-phiên và thực-phiên, nhưng kỳ thực là một chủng-tộc. Tuy vậy nhưng cũng có thể chia ra hơn mười chủng-tộc nhỏ, trong ấy trừ



danh nhất là người Tây-an (Tayal) ở miền núi phía bắc. Giống này đàn ông đàn bà đều vẽ mặt cả ; đàn bà thì lưng có che một chút, còn đàn ông thì ở truồng. Khi họ làm ruộng rồi được thong thả thì họ đi chém đầu người khác về tế thần. Khi họ chém được đầu người khác rồi, làm giá đề lên, lấy đồ ăn nhét vào miệng và lấy rượu tưới vào, khi nào chỉ còn cái đóc-lâu thì đem ra trần - liệt để biếu-thị võ-dũng của mình. Càng chém nhiều người thì thiên hạ càng kính trọng. Giống người ấy nước da vàng sẫm, tóc đứng và sắc đen, đầu hơi dài.

b) Người Mã-lai — Người Mã-lai mình hơi cao hơn người Ấn-độ-nê-diêng, đầu hơi rộng. Phần nhiều họ làm nghề nông, trồng những thứ lúa mễ (gạo) và lúa tặc, cũng như người Ấn-độ-nê-diêng. Trên đầu họ đội khăn, nhà ở thì có chôn cột. Họ thích nhai cau trầu lắm, bởi thế nên răng họ đều nhuộm đen, (người Annam ta cũng có tục ấy). Họ lại hay ăn đất hoặc ăn thịt người. Những người Hô-va (Hovas) ở miền cao - nguyên đảo Ma-da-gát - ca (Madagascar) đều thuộc về giống người Mã-lai.

3. — *Giống Ba-bu* (Papous). — Người Ba-bu là lấy tên đảo Ba-bu, họ tự dưng đảo Tân-Guy-nê (Nouvelle Guinée) mà ở tán ra các nơi trong quần-đảo Mã-lai. Mình không cao không thấp, da hơi đen sẫm, đầu dài, mặt hình trứng, mũi cong, môi dày, tóc dài và quăn. Ngoài nghề nông họ còn đánh cá và săn thú, lại thường ngồi thuyền đóc-mọc đi buôn bán với các hải-ngạn phụ - cận. Đàn



ông phần nhiều ở trần, mình chỉ che nửa dưới thôi. Đàn bà thì ngang lưng có vắn váy. Nhà cửa thì làm trên đất, trên nước, hoặc trên cây. Họ hay chém đầu người và ăn thịt người.

4. — *Giống Mê-la-nê-diêng* (Mélanésien). — Giống này ở rải rác từ đảo Tân-guy-nê đến đảo Hải-quân-phủ (Amirauté), đảo Tân-Bơ-rơ-ta (Nouvelle Bretagne), đảo Xô-lô-mông (Solomon), đảo Thánh-Cơ-ruy (Saint Crus), đảo Tân-Hê-bơ-rít (Nouvelles Hébrides), đảo Loai-ô-tê (Loyauté), đảo Phi-ji (Fiji) v. v. . (các đảo ấy gồm thành quần-đảo Mê-la-nê-di). Mình họ hơi cao, ước độ 5 thước 3 tấc, nước da hơi sẫm, đầu dài như người Ba-bu, mặt vuông hoặc có cạnh, mũi thẳng và thấp, tóc quăn. Họ thường đánh cá và săn thú, cũng có ngồi thuyền độc mộc đi đến các miền hải-ngạn phụ-cận. Mình họ có vẽ ; hay ăn cau trầu lắm. Người đảo Xô-lô-mông hay ăn thịt người ; còn người các đảo thì đều thích dùng dầu-lâu người làm trang-sức.

5. — *Giống Bô-li-nê-diêng* (Polynésien). — Giống này ở tại quần-đảo Hạ-uy-di (Halwai) và quần-đảo Bô-li-nê-di ở miền nam Thái-bình-dương, cho đến đảo Tân-Tây-lan. Mình họ hơi cao, độ 5 thước 5 tấc, nước da hơi vàng sẫm, đầu to rộng, tóc đứng hoặc cong, mặt dài, mũi cao, gò má cao. Thổ-nhân ở đảo Tân-Tây-lan phần nhiều làm nghề nông, cũng thường đánh cá, săn thú và đi thuyền độc-mộc đến các miền phụ-cận. Người Tân-Tây-lan có tục vẽ mặt thịnh lắm. Trên mặt nhà họ



thường bày miếng gỗ vẽ thành cái mặt dả của chủ-nhân để biếu-thị nhà ấy là của mình. Khi làm tờ khế-ước gì thì họ vẽ những hình vẽ trên mặt họ ra sau tờ ấy để thay ký tên và đóng dấu.

6. — *Giống Mi-cô-nê-diêng* (Micronésien). — Giống này ở tản tác trong các đảo Ma-ri-an (Marianne); Ca-rô-linh (Caroline), Mác-san (Marshall) và Jin-be (Gilbert) ở phía bắc xích-đạo. Giống này cũng tương-tự với giống Bô-li-nê-diêng, chỉ có mình ngắn hơn, đầu dài hơn, cả mình nhiều lông, chứ không có cái gì đặc-biệt khác.

\* \* \*

Những giống vừa kể trên đều ở trong các đảo tại Ấn-độ-dương hoặc Thái-bình-dương, ngôn-ngữ đều thuộc về hệ-thống Mã-lai. Những dân-tộc ấy đều là do các bán-đảo Ấn-độ-Chi-na và Mã-lai dần dần ở tản ra các địa-phương khác.

\* \* \*

7. — *Giống Hà-di* (Hinu). — Giống Hà-di ở tại Bắc-hải đạo và miền nam những đảo Thiên-đảo và Hoa-thái nước Nhật-bản. Về nhân-chủng-học thì giống này là một giống rất đặc-biệt. Trên mặt họ cùng các nơi khác trong mình có nhiều lông, đó là cái đặc-trưng trọng yếu; tóc hơi quăn, mình cao độ 5 thước 1 tấc, nước da vàng sẫm, đầu không dài lắm, không rộng lắm, mặt to rộng, lòng mắt sâu, hai lông mày liền với nhau, mũi thấp, gò má cao. Đàn bà thì quanh miệng, trên ngón tay và trên



cánh tay có vế. Y-phục thì hơi giống người Nhật-bản, nhưng tay hẹp và không có vạt gài, vạt áo thì ngắn, đàn ông đàn bà chân đều có bọc vải cả. Tiếng nói họ thuộc về loài tất-trước-ngữ, ít người dùng đơn-ngữ lắm, mà đơn-ngữ của họ cũng không về loài các thứ đơn-ngữ thường.

Hiện nay các nhà nhân-chủng-học chưa nhất-định về giống Hà-di này về giống người nào; cứ tính-chất và ngôn-ngữ của họ thì giống là tạp chủng của giống A-ri-an và giống Mông-cổ, có lẽ trước kia họ đã do miền tây Á-châu, dời sang miền đông rồi di-trú sang Bắc-hải-đạo Nhật-bản; thuyết ấy có lẽ xác-thực hơn cả. Ở miền cực-đông và miền Triều-tiên không thấy có chút di-tích nào của người Hà-di.

## HẾT



## TỪ-KHẢO

Bộ-lạc : đương thời-đại dã-man, loài người chưa tổ chức thành quốc gia, những tộc đoàn (clan) ở chung với nhau thành bộ lạc (tribu), đứng đầu có tù-truởng.

Bác-vật quán : nơi bày chứa những tài-liệu để khảo cứu về các khoa-học (musée)



Chính-trị phân biệt : sự phân biệt trong chánh-trị ra một hạng người thống-trị (gouvernants) và một hạng người bị thống-trị (gouvernés) — Différenciation politique.

Chủng-tộc : Chủng tộc khác nhau với dân tộc là : chủng tộc thì thường ngôn ngữ, phong-tục, văn hóa đồng nhau, nhưng nhất là phải cùng một huyết thống (race), còn dân-tộc thì ngôn-ngữ, phong-tục, văn-hóa đồng nhau, huyết-thống có thể khác nhau, nhưng nhất là phải ở cùng một lãnh-thổ và cùng một đoàn-thể kinh-tế (nation).

Dân-tộc-tính : cái tính-chất chung, tâm lý chung của dân tộc (nationalité)

Du mục : nghề nuôi súc-vật, mà hay dời nơi này qua nơi khác, không ở một nơi (pasteur)

Đào-thải : lựa cái thích mà bỏ cái không thích (sélection) tự-nhiên đào-thải : lựa chọn bởi tự-nhiên (sélection naturelle). Thụ-hùng đào thải : cũng là một thứ trong tự-nhiên đào-thải, nhưng cái kết quả chỉ riêng về quan hệ thụ-hùng, ví dụ như một thứ sinh-vật nào khi đầu ít giống đực, nhiều giống cái, sau hai giống bằng số nhau, đó là kết quả của thụ-hùng đào-thải (sélection sexuelle).

Hải báo : thứ động vật ở biển các miền bắc-băng-dương (phoque).

Hệ-thống : gồm những vật gì cùng liên-thuộc với nhau : système, groupe.

Huyết thống : hệ-thống trong một họ cùng một máu mủ (huyết tộc).

Huyết tộc : chỉ những người cùng một tổ-tôn máu mủ sinh ra, vô luận về hệ cha hay hệ mẹ.

Kiểm-tính : gồm nuốt đi (absorber).

Kinh-tế liên hiệp : mối liên hiệp về kinh-tế (union économique)

Khải-hoàn : khi thắng trận trở về (triomphe).

Lãnh-thổ : đất đai của một nước, một dân-tộc (territoire).



**Loạn quần :** loài người hội tề ở cùng nhau thành những đoàn-thể không có kỷ-luật trật tự rõ ràng, khi ấy gọi là loạn-quần (horde).

**Lữ hành :** những người đi du-lịch các miền xa (voyageur).

**Mục trường :** nơi để cho súc-vật ăn cỏ (pâturage).

**Nhân-chủng-học :** khoa-học nghiên cứu cái trạng thái loài người trên thế-giới, để biết loài người xuất hiện tại đâu, vì sao mà thành khác nhau (Ethnologie).

**Nhân-loại-học :** khoa-học nghiên cứu cái tính-chất của loài người để biết loài người là cái gì, vị trí loài người trong tự-nhiên giới thế nào. (anthropologie).

**Pháp-luật thành văn :** những pháp-luật viết ra thành văn tự (lois écrites).

**Phân-công :** sự chia công-nghiệp ra cho mỗi người làm mỗi nghiệp (division du travail).

**Quốc-cảnh :** cảnh-địa một nước (territoire d'un pays).

**Sinh-hoạt vật-chất :** sự sinh-hoạt về thể-chất (vie matérielle), đối với sinh-hoạt tinh-thần (vie intellectuelle et morale).

**Tiêu-chuẩn :** cái làm nêu, làm chùng, để xét một điều gì.

**Tạp-hôn :** kết-hôn lộn giống này với giống khác.

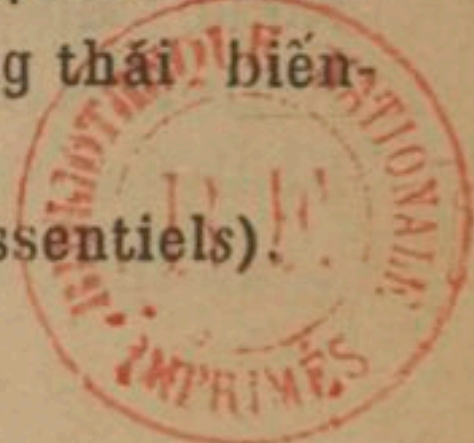
**Thám-hiểm :** những người đi thăm dò các miền chưa khai-tịch như ở miền xích-đạo và miền nam bắc-cực (explorateur).

**Tộc đoàn :** những đoàn-thể gồm nhiều gia-tộc ở với nhau (clan).

**Văn-hóa :** văn-hóa là gồm cả phong-tục, tập-quán, kỹ-nghệ, học thuật, tư tưởng của một xã hội loài người. Văn hóa (culture) khác với văn-minh (civilisation). Chỗ nào văn-hóa khai thông rồi thì gọi là văn-minh, chỗ nào văn-hóa chưa khai thông thì gọi là dã-man.

**Vật-lý-học :** khoa-học nghiên - cứu những trạng thái biến-hóa của vật-thể (physique).

**Yếu tố :** cái nguyên-tổ trọng-yếu, (éléments essentiels).





# QUAN-HẢI TÙNG-THƯ

Sách QUAN HẢI TÙNG-THƯ bán tại :

Hanoi. — Cát-thành, 3. Rue du Chanvre

Nhật-nam, 117. Rue du Chanvre,

Nam-Anh. 13. Rue du coton

Haiphong. — Nam-Anh thư. 10 Rue de Metz

Nam-Tân 84. B<sup>d</sup>. Bonnal

Đoàn-văn Hiếu, 11, Rue Doumer

Nam định. — Nam-Hoa thư-quán, Rue Bắc-ninh

Thái-bình Văn-bình thư-quán, Rue Jules Piques

Vinh. — Tam-kỳ thư-quán, Avenue maréchal Foch

Tourane. — Trung-tân, Rue Verdun

Saigon. — Tin-đức-thư xã. 37, Rue Sabourain

Gò-công. — Nữ-lưu thư-quán

Mỹ tho Chiêu-anh thư-quán, (près marché)

Cần-thơ. — Hồng-đức thư-cục. 38 B<sup>d</sup> Sainte Noy

## NHẬT-NAM THƯ-QUÁN 117, Hàng-gai Hanoi (1)

1. — Giếng-sấm đêm-đông	giá 0\$50
2. — Bóng-hiệp hồn-hoa	0\$40
3. — Giấc-mộng nàng-lê	0\$60
4. — Bia của-ai	0\$30
5. — Cái-nạn văn chương	0\$35
6. — Nước-hồ-gươm	0\$20
7. — Sống-chết vì tiền	0\$30
8. — Sư-hồ-mang	0\$30
9. — Ngũ-hoa-kiếm	0\$72
10. — Hán-sở tranh-hùng	0\$12
11. — Gươm-cứu-khò	0\$12
12. — Học-chữ-tây và tiếng tây	0\$25
13. — Bể tình nổi sóng	0\$30
14. — Hồ-hải duyên-văn	
15. — Gia-lễ chỉ-nam	0\$50

(1) Có bán tại Quan-hải thư-điểm



# QUAN-HẢI TÙNG-THƯ

---

Bắt đầu từ Janvier 1929, **Quan - hải tùng-thư** đặt lệ mua năm. Mỗi năm xuất bản 12 quyển thường, dày từ 40 đến 60 trang, giá 0\$20 một quyển. Mua cả năm (12 quyển) thì trả 2\$50 (có cả tiền cước ở trong). Mỗi năm lại xuất bản thêm 4 quyển đặc-biệt, dày từ 90 đến 110 trang, giá 0\$40, cả 4 quyển giá 1\$50. Ai mua năm cả hai thứ thì phải trả 4\$00.

Các ngài có lòng chiếu cố mua năm thì xin gửi thơ và mandat về cho

**ĐÀO-DUY-ANH. — HUẾ**

Những sách sẽ xuất bản, xin xem trong bìa thứ hai.

Ai muốn mua sách của **Quan-hải tùng-thư**,

từ 3\$00 trở lên xin tính bớt 10%.

từ 5\$00 trở lên xin tính bớt 20%.

từ 10\$00 trở lên xin tính bớt 25%.

(Ở xa xin gửi tiền cước)